

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI XANH VÀ KHUYẾN CÔNG

TÀI LIỆU HỘI NGHỊ
LẤY Ý KIẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH
CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT SỬ DỤNG NĂNG
LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Hà Nội - 2025

Số: /TTr-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Công Thương được giao chủ trì xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thay thế Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hoàn thành Dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định.

Ngày / /2025, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số /BCTĐ-BTP về Dự thảo Nghị định của; tiếp thu và giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; kính trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025

Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9; Theo đó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương xây dựng Nghị

định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (điểm đ khoản 1 Điều 9; khoản 2 Điều 13; Điều 44; khoản 1 Điều 45; Điều 48 Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010; khoản 11, khoản 18, khoản 19, khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả); thời hạn trình trước ngày 15/10/2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (Luật SDNL TK&HQ - Luật số 50/2010/QH12) được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 21/NĐ-CP ngày 29/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Tuy nhiên, sau 15 năm triển khai thi hành, đến nay đã bộc lộ bất cập cần phải rà soát để sửa đổi, bổ sung một số nội dung được quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các luật liên quan để kịp thời điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong thực tiễn hoạt động sử dụng năng lượng trong các ngành công nghiệp sản xuất, chế biến các sản phẩm công nghiệp để ứng phó với các thách thức mới.

Đồng thời, để thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng tại Nghị quyết số 55-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Ngày 18/6/2025, tại Kỳ họp lần thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua **Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**. Luật đã có quy định giải pháp đột phá, tháo gỡ các điểm nghẽn đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bổ sung mô hình tổ chức dịch vụ năng lượng (Điều 43a), mô hình quỹ, tăng cường khuyến khích, ưu đãi đầu tư, áp dụng các công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tiên tiến trong sản xuất công nghiệp, sinh hoạt, trong xây dựng và giao thông vận tải (Điều 41); cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính (Điều 34, 39), tăng cường phân cấp, phân quyền (Điều 32, 39).

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã giải quyết được các vấn đề của thực tiễn trong nước đặt ra, phù hợp với luật pháp, thông lệ quốc tế, đồng thời tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong quản lý nhà nước, loại bỏ vướng mắc, rào cản, tạo hành lang pháp lý thuận lợi, tăng cường các cơ chế khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Bên cạnh đó, tại điểm đ khoản 1 Điều 9; khoản 2 Điều 13; Điều 44; khoản 1 Điều 45; Điều 48 Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010; khoản 11, khoản 18, khoản 19, khoản 20 Điều 1 Luật sửa

đổi, bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung này.

Việc xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thay thế Nghị định số 21/NĐ-CP ngày 29/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là hết sức cần thiết, nhằm tiếp tục quán triệt, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước giải quyết được các vấn đề của thực tiễn trong nước đặt ra, phù hợp với luật pháp, thông lệ quốc tế, đồng thời tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong quản lý nhà nước, loại bỏ vướng mắc, rào cản, tạo hành lang pháp lý thuận lợi, tăng cường các cơ chế khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Quy định chi tiết điểm đ khoản 1 Điều 9; khoản 2 Điều 13; Điều 44; khoản 1 Điều 45; Điều 48 Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010; khoản 11, khoản 18, khoản 19, khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Nâng cao tính thực tiễn, khả thi và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống luật pháp trong các hoạt động sử dụng năng lượng, phù hợp với các cam kết quốc tế.

- Hoàn thiện các quy định quản lý hoạt động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng và cơ sở vận tải trọng điểm.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước đối với các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Góp phần quan trọng trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế gắn với an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; địa phương, doanh nghiệp...

- Khuyến khích phát triển những ngành nghề tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, tạo ra giá trị gia tăng cao. Có chính sách kiểm soát đối với những ngành có cường độ sử dụng năng lượng cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên.

- Kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hiện hành, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong hoạt động này.

Các nội dung trong dự thảo Nghị định đảm bảo đồng bộ, phù hợp với quy định tại Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2025 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9; theo đó, Bộ Công Thương đã thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thay thế Nghị định số 21/NĐ-CP ngày 29/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

2. Trong quá trình soạn thảo Nghị định, Bộ Công Thương đã tổ chức họp, lấy ý kiến của các thành viên Tổ soạn thảo đối với các lần Dự thảo Nghị định. Bộ Công Thương có văn bản đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam góp ý đối với Dự thảo Nghị định (**Công văn số/BCT-ĐCK ngày /9/2025**), đồng thời đăng tải Dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương để lấy ý kiến góp ý theo quy định.

3. Bộ Công Thương đã tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị, cá nhân; hoàn thiện Dự thảo Nghị định. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã tổ chức 02 hội nghị (tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/9/2025 và tại thành phố Hà Nội ngày 18/9/2025) để lấy ý kiến ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động đối với nội dung của dự thảo Nghị định.

4. Tiếp thu ý kiến của **13 Bộ, ngành, 34/34** địa phương và ý kiến góp ý của các đại biểu tham dự tại 02 hội nghị, Bộ Công Thương hoàn thiện hồ sơ Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; đồng thời gửi Bộ Tư pháp thẩm định tại Văn bản số .../BCT-ĐCK ngày /9/2025 và Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định Dự thảo Nghị định số .../BCTĐ-BTP ngày .../10/2025.

5. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương đã chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo Nghị định, trình Chính phủ xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh đã được quy định tại Luật hiện hành về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chính sách, biện pháp thúc đẩy sử dụng năng

lượng tiết kiệm và hiệu quả; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Đối tượng áp dụng bao gồm tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng năng lượng trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Về bố cục, Dự thảo Nghị định gồm 09 Chương và 39 Điều và 01 Phụ lục.

Chương 1. Quy định chung (gồm 2 Điều, từ Điều 01 đến Điều 2)

Chương 2. Thống kê về sử dụng năng lượng trọng điểm (gồm 3 Điều, từ Điều 3 đến Điều 5)

Chương 3. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm (gồm 7 Điều, từ Điều 6 đến Điều 12)

Chương 4. Tổ chức kiểm toán năng lượng (gồm 5 Điều, từ Điều 11 đến điều 15)

Chương 5. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước (gồm 3 Điều, từ Điều 16 đến Điều 18)

Chương 6. Dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng (gồm 8 Điều, từ Điều 19 đến Điều 26)

Chương 7. Biện pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (gồm 6 Điều, từ Điều 27 đến Điều 32)

Chương 8. Kiểm tra, thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (gồm 3 Điều, từ Điều 33 đến điều 35)

Chương 9. Tổ chức thực hiện (gồm 4 Điều, từ Điều 36 đến Điều 39)

Phụ lục gồm 06 biểu mẫu.

3. Nội dung cơ bản

3.1 Về quy định chung: Nghị định này quy định về thống kê năng lượng; quản lý giám sát sử dụng năng lượng; cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; Tổ chức kiểm toán năng lượng; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng; Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Tổ chức dịch vụ năng lượng biện pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; kiểm tra, thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sử dụng năng lượng tại Việt Nam.

3.2. Về thống kê sử dụng năng lượng: Nghị định Quy định về chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được áp dụng thống nhất trong cả nước và cập nhật hàng năm; Trách nhiệm thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin thống kê về sử dụng năng lượng; Tổ chức hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia

3.3. Về cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm: Nghị định này quy định về

việc xác định cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; Mô hình quản lý năng lượng; Kiểm toán năng lượng; Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Đào tạo và cấp chứng chỉ Kiểm toán viên năng lượng; Đào tạo và cấp chứng chỉ Quản lý năng lượng

3.4. Về tổ chức kiểm toán năng lượng: Nghị định quy định yêu cầu đối với Tổ chức Kiểm toán năng lượng; Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận Tổ chức Kiểm toán năng lượng; Hình thức nộp hồ sơ; Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký Tổ chức Kiểm toán năng lượng; Trách nhiệm Tổ chức Kiểm toán năng lượng

3.5. Về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng nhân sách nhà nước: Nghị định quy định việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; Mua sắm phương tiện, thiết bị của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; Báo cáo sử dụng năng lượng của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

3.6. Về dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng: Nghị định quy định về phân loại nhãn năng lượng; Phòng thử nghiệm hiệu suất năng lượng; Hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng; Định chỉ việc dán nhãn năng lượng; Báo cáo của các cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng; Báo cáo của các doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng; Kiểm tra, báo cáo việc thực hiện dán nhãn năng lượng; Phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng sử dụng năng lượng phải loại bỏ.

3.7. Về biện pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Nghị định quy định việc áp dụng các biện pháp quản lý và công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Kiểm toán năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng tại các cơ sở không thuộc Danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Các chính sách ưu đãi đối với hoạt động thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Nguồn vốn hoạt động của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3.8. Về kiểm tra, thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Nghị định quy định nội dung kiểm tra, thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Quyền hạn và trách nhiệm về kiểm tra, thanh tra sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

3.9. Về tổ chức thực hiện: Nghị định quy định trách nhiệm của các Bộ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu

quả; Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương; Hiệu lực thi hành, trách nhiệm thi hành.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong phạm vi cả nước và chỉ đạo các Bộ ngành, địa phương thực hiện pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Công Thương trong quản lý nhà nước về hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong phạm vi địa phương theo quy định.

2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Nghị định

2.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Sau khi Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả mới được ban hành, các Bộ liên quan ban hành các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) quy định chi tiết, hướng dẫn và triển khai Nghị định đầy đủ, đúng tiến độ.

2.2. Tổ chức thực thi Nghị định sau khi ban hành

Sau khi Nghị định được ban hành, các Bộ sẽ căn cứ nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định, bảo đảm nguồn lực thực hiện và giám sát, thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành.

2.3. Dự kiến nguồn lực:

- Về cơ bản Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả không phát sinh bộ máy hành chính, không làm tăng kinh phí đầu tư của xã hội. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh sử dụng bộ máy hiện có để triển khai các quy định của Nghị định.

- Việc triển khai thi hành Nghị định sẽ không làm tăng biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước do các nhóm giải pháp chính sách đề xuất sửa đổi, bổ sung tiếp tục các nội dung công việc được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành nên không làm thay đổi tổ chức bộ máy và biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Sau khi Nghị định được ban hành, dự kiến một số hoạt động cơ bản cần bố trí kinh phí để triển khai trong thực tiễn gồm: xây dựng các văn bản quy định

chi tiết, hướng dẫn một số nội dung của các Bộ; tuyên truyền, phổ biến pháp Luật và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của Nghị định và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh sử dụng bộ máy hiện có, do vậy có đầy đủ nguồn nhân lực, bộ máy, điều kiện cơ bản để thực thi Nghị định khi được Chính phủ thông qua. Các đơn vị hiện tại thuộc Bộ Công Thương vẫn đang hoạt động hiệu quả và đảm bảo đầy đủ chức năng quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đội ngũ công chức ngành Công Thương về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu về chuyên môn, năng lực trong quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, qua đó góp phần quan trọng vào việc hình thành nguồn nhân lực có bản lĩnh chính trị vững vàng và hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả, đủ điều kiện để triển khai thi hành Nghị định.

- Các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí nguồn nhân lực, tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị định trong phạm vi, lĩnh vực của đơn vị mình.

- Bộ Công Thương chỉ đạo, hướng dẫn các Tập đoàn, doanh nghiệp có liên quan chuẩn bị nhân lực, bộ máy, đảm bảo các cán bộ được đào tạo và có năng lực để triển khai Nghị định trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Nghị định.

2. Thời gian ban hành:

Nghị định ban hành có hiệu lực từ 01/01/2026

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Những vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Tư pháp; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn; Bản Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, địa phương, đơn vị, cá nhân liên quan, kèm theo bản chụp ý kiến góp ý).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, ĐCK(TuanNANH).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thống kê năng lượng; quản lý giám sát sử dụng năng lượng; cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; Tổ chức kiểm toán năng lượng; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng; Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Tổ chức dịch vụ năng lượng biện pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; kiểm tra, thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sử dụng năng lượng tại Việt Nam.

Chương II

THỐNG KÊ VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Điều 3. Chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng

Chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được áp dụng thống nhất trong cả nước và cập nhật hàng năm, bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

1. Nhóm chỉ tiêu về số lượng, khối lượng năng lượng sử dụng chia theo:

- a) Ngành kinh tế.
- b) Mục đích sử dụng.
- c) Loại năng lượng.

2. Chỉ tiêu về suất tiêu hao năng lượng chia theo một số sản phẩm chủ yếu.

3. Nhóm chỉ tiêu về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng được sản xuất, nhập khẩu.

4. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, cơ quan quản lý chuyên ngành phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hệ thống chỉ tiêu quản lý chuyên ngành về sử dụng năng lượng.

Điều 4. Trách nhiệm thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin thống kê về sử dụng năng lượng

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ Tài chính và Bộ chuyên ngành, hướng dẫn việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin về quản lý năng lượng.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo, gửi Bộ Công Thương về thông tin quản lý sử dụng năng lượng thuộc ngành, lĩnh vực và đối tượng quản lý.

Điều 5. Tổ chức hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia.

2. Các thông tin của cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia gồm:

a) Thông tin cân bằng cung cầu năng lượng bao gồm: Thông tin, số liệu cung cấp năng lượng sơ cấp; Thông tin, số liệu sản xuất và chuyển đổi năng lượng; Thông tin, số liệu tiêu thụ năng lượng cuối cùng và phi năng lượng.

b) Số lượng, khối lượng năng lượng sơ cấp được khai thác trong nước, nhập khẩu, gồm: than, dầu thô, khí thiên nhiên, thủy điện, điện năng, năng lượng tái tạo, năng lượng hạt nhân.

c) Số lượng, khối lượng năng lượng sản xuất trong nước, gồm: điện năng, nhiên liệu từ sản phẩm dầu mỏ, than đá và chuyển đổi năng lượng

d) Đặc điểm kỹ thuật Cơ sở hạ tầng năng lượng bao gồm nhà máy điện, đường dây và trạm điện.

đ) Chỉ tiêu về chỉ số giá một số loại năng lượng chủ yếu.

Hàng năm, trước 15/1 gửi báo cáo về Bộ Công Thương để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong các cơ sở sản xuất, vận chuyển và phân phối năng lượng. Cơ sở sản xuất, vận chuyển và phân phối năng lượng có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương để xây dựng quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong các cơ sở.

Chương III

CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM

Điều 6. Xác định cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là cơ sở sử dụng năng lượng hằng năm với khối lượng lớn, quy định như sau:

a) Cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, đơn vị vận tải có tiêu thụ năng lượng tổng cộng trong một năm quy đổi ra một nghìn tấn dầu tương đương (1000 TOE) trở lên. Tổng tiêu thụ năng lượng bao gồm tiêu thụ điện, than, dầu khí và các dạng năng lượng khác được xác định tại một vị trí địa lý của cơ sở tiêu thụ năng lượng trong một (01) năm. Đối với các đơn vị vận tải, tổng tiêu thụ năng

lượng bao gồm tiêu thụ điện, than, dầu khí và các dạng năng lượng khác của các phương tiện trong một (01) năm

b) Các công trình xây dựng được dùng làm trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng có tiêu thụ năng lượng tổng cộng trong một năm quy đổi ra năm trăm tấn dầu tương đương (500 TOE) trở lên. Tổng tiêu thụ năng lượng bao gồm tiêu thụ điện, than, dầu khí và các dạng năng lượng khác được xác định tại một vị trí địa lý của cơ sở tiêu thụ năng lượng trong một năm.

2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ điều chỉnh việc xác định cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 7. Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

1. Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, lập danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm thuộc phạm vi quản lý đơn vị mình gửi Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt, ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn một năm một lần trước ngày 31 tháng 3 hàng năm; tổng hợp gửi Bộ Công Thương hàng năm.

3. Bộ Công Thương tổng hợp danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên toàn quốc hàng năm.

Điều 8. Mô hình quản lý năng lượng

1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải áp dụng mô hình quản lý năng lượng. Mô hình quản lý năng lượng được thực hiện theo các nội dung chính sau đây:

a) Công bố mục tiêu, chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở.

b) Xây dựng kế hoạch hàng năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở; xây dựng và thực hiện các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo mục tiêu, chính sách và kế hoạch đã lập; quy định chế độ trách nhiệm đối với từng tập thể, cá nhân liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở.

c) Có Bộ máy và người quản lý năng lượng theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

d) Tổ chức quản lý, giám sát hệ thống đo đếm đáp ứng tiêu chuẩn, bảo đảm tính chính xác của thiết bị đo nhằm theo dõi, giám sát tình trạng sử dụng năng lượng, thống kê tình hình tiêu thụ, sử dụng các dạng năng lượng, lập bảng cân bằng năng lượng của cơ sở; quản lý, giám sát định mức tiêu thụ năng lượng theo sản phẩm sản xuất của cơ sở trọng điểm.

đ) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi nhu cầu tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị trên toàn bộ dây chuyền sản xuất. Xây dựng kế hoạch, chương trình lắp đặt mới, cải tạo, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị sản xuất của cơ sở. Lập hồ sơ quản lý - vận hành của phương tiện, thiết bị sản xuất.

e) Thực hiện chế độ kiểm toán năng lượng; đề xuất và lựa chọn thực hiện các giải pháp quản lý và công nghệ nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

g) Định kỳ tổ chức đào tạo, tập huấn cho người lao động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

h) Có chế độ thưởng, phạt nhằm thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở.

2. Đối với Đơn vị sản xuất, phân phối năng lượng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm, và tổ chức kiểm tra giám sát thực hiện giảm tổn thất, hao hụt năng lượng trong hệ thống sản xuất, khai thác, tồn trữ, truyền tải, phân phối và vận chuyển năng lượng.

3. Bộ Công Thương xây dựng hướng dẫn mô hình quản lý trong lĩnh vực công nghiệp, Bộ Xây dựng xây dựng hướng dẫn mô hình quản lý năng lượng trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải phù hợp với yêu cầu quản lý.

Điều 9. Kiểm toán năng lượng

1. Nội dung kiểm toán năng lượng bao gồm các công việc chính sau:

a) Khảo sát, chuẩn đoán, đo lường, thu thập số liệu về tình hình sử dụng năng lượng của cơ sở.

b) Phân tích, tính, lập bảng cân bằng năng lượng và đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng. Tính toán suất tiêu hao năng lượng trong các khâu sản xuất, tính

toán định mức tiêu thụ năng lượng cho từng ngành theo quy định.

- c) Đánh giá tiềm năng tiết kiệm năng lượng.
- d) Đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng.
- đ) Phân tích hiệu quả cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất.

Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện kiểm toán năng lượng cho cơ sở giao thông vận tải phù hợp với yêu cầu quản lý.

Bộ Công Thương hướng dẫn kiểm toán năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp, công trình xây dựng, nông nghiệp và các lĩnh vực khác.

2. Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm có trách nhiệm gửi báo cáo kiểm toán năng lượng đến Sở Công Thương trong thời gian 30 ngày, sau khi thực hiện kiểm toán năng lượng.

Điều 10. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:

a) Kế hoạch năm được lập hàng năm về các chỉ tiêu giảm tổn thất, suất tiêu hao năng lượng, tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng năng lượng tại Cơ sở.

b) Kế hoạch năm năm được lập cho từng giai đoạn năm năm.

2. Kế hoạch năm và năm năm gồm các phần chính sau:

a) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm trước (đối với kế hoạch năm); của năm năm trước (đối với kế hoạch năm năm).

b) Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của năm kế hoạch (đối với kế hoạch năm); của năm năm tới (đối với kế hoạch năm năm).

3. Bộ Công Thương hướng dẫn nội dung, biểu mẫu, thời gian lập, trình tự và thủ tục gửi báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 11. Đào tạo và cấp chứng chỉ Kiểm toán viên năng lượng

1. Đối tượng tham gia khóa đào tạo kiểm toán viên năng lượng phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành năng lượng hoặc kỹ thuật có liên quan trở lên.

2. Chứng chỉ Kiểm toán viên năng lượng do đơn vị đào tạo cấp sau khi học

viên tham gia khóa đào tạo và đạt kết quả trong kỳ thi do Bộ Công Thương quy định.

3. Trong trường hợp người được cấp chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng vi phạm, gian lận trong quá trình thực hiện kiểm toán năng lượng sẽ bị thu hồi chứng chỉ kiểm toán năng lượng và xử phạt theo các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định hiện hành.

4. Bộ Công Thương quy định nội dung, chương trình đào tạo, thực hiện kiểm tra, giám sát; thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi, thống nhất mẫu chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng và hướng dẫn quy cách đánh số đối với Kiểm toán viên năng lượng.

Điều 12. Đào tạo và cấp chứng chỉ Quản lý năng lượng

1. Chứng chỉ quản lý năng lượng do Bộ Công Thương cấp hoặc tổ chức được ủy quyền cấp, có thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp và được cấp lại khi cá nhân tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và đạt yêu cầu đánh giá.

2. Trường hợp phát hiện vi phạm, gian lận hoặc không đáp ứng yêu cầu công việc, Bộ Công Thương sẽ thu hồi chứng chỉ.

3. Tổ chức được ủy quyền cấp chứng chỉ quản lý năng lượng là tổ chức đào tạo về quản lý năng lượng, được thành lập theo quy định của pháp luật, có cơ sở vật chất để đào tạo lý thuyết và thực hành theo chương trình đào tạo của Bộ Công Thương quy định.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG

Điều 13. Yêu cầu đối với Tổ chức Kiểm toán năng lượng

1. Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Có năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu kiểm toán năng lượng phù hợp với đối tượng được kiểm toán năng lượng.
3. Yêu cầu về nhân lực:

a) Người quản lý kỹ thuật của Tổ chức kiểm toán năng lượng có bằng Đại học chuyên ngành Năng lượng hoặc các ngành kỹ thuật có liên quan có 05 năm kinh nghiệm;

b) Người phụ trách bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng của Tổ chức kiểm toán năng lượng phải có trình độ đại học trở lên và phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán năng lượng;

c) Tổ chức có ít nhất 03 Kiểm toán viên năng lượng (có Hợp đồng lao động thời hạn từ 12 tháng trở lên).

4. Có phương tiện, thiết bị, dụng cụ, quy trình đo đạc, phù hợp với lĩnh vực được kiểm toán năng lượng (điện, nhiệt, hơi, khí nén, chiếu sáng) và quy định của pháp luật hiện hành. Có quy trình quản lý, vận hành, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị đo, đảm bảo tính chính xác của phương tiện, thiết bị đo.

5. Hàng năm phải đào tạo, đánh giá tay nghề của Kiểm toán viên năng lượng.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận Tổ chức Kiểm toán năng lượng

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Bộ Công Thương là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký Tổ chức Kiểm toán năng lượng

2. Trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký Tổ chức Kiểm toán năng lượng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

c) Danh sách Kiểm toán viên năng lượng theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi kiểm toán viên năng lượng gồm: Bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng, bằng cấp, chứng chỉ chuyên ngành Năng lượng hoặc các ngành kỹ thuật có liên quan;

d) Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ đo lường phục vụ kiểm toán năng lượng đối với lĩnh vực kiểm toán năng lượng đăng ký theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

3. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục hoạt động kiểm toán năng lượng, Tổ chức kiểm toán năng lượng phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Hình thức nộp hồ sơ

Tổ chức Kiểm toán năng lượng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và nộp theo một trong các hình thức sau:

1. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ, bản sao các chứng chỉ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định này chưa được chứng thực thì phải có bản chính để đối chiếu.

2. Trường hợp hồ sơ được gửi qua bưu điện, Tổ chức kiểm toán năng lượng phải nộp bản sao các chứng chỉ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định này.

3. Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo hình thức dịch vụ công trực tuyến.

Điều 16. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký Tổ chức Kiểm toán năng lượng

1. Trường hợp cấp mới:

a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu Tổ chức kiểm toán năng lượng sửa đổi, bổ sung;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức Hội đồng đánh giá năng lực của Tổ chức Kiểm toán năng lượng.

Hội đồng đánh giá điều kiện hoạt động kiểm toán năng lượng gồm tối thiểu 05 thành viên, với cơ cấu thành phần bao gồm: 01 Chủ tịch hội đồng; 01 Phó Chủ tịch hội đồng khi cần thiết; 01 ủy viên thư ký và các ủy viên khác là chuyên gia có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán năng lượng. Thành viên hội đồng đánh giá có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, kiểm tra thực tế tại tổ chức; viết bản nhận xét, phiếu đánh giá về các nội dung chứng nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình.

Kinh phí thuê chuyên gia cho Hội đồng đánh giá được triển khai thực hiện theo Nghị định 173/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/6/2025 Về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức

Biên bản đánh giá của Hội đồng tại Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cho Tổ chức kiểm toán năng lượng theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không quá 03 năm kể từ ngày cấp.

2. Trường hợp cấp lại, cấp bổ sung:

a) Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp Tổ chức kiểm toán năng lượng có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức;

b) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Tổ chức kiểm toán năng lượng có nhu cầu đăng ký cấp lại, cấp bổ sung lĩnh vực kiểm toán năng lượng Giấy chứng nhận lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều b Nghị định này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức Hội đồng đánh giá năng lực của Tổ chức Kiểm toán năng lượng; chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho Tổ chức kiểm toán năng lượng. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không quá 03 năm kể từ ngày cấp.

3. Bộ Công Thương công bố tổ chức được cấp Giấy chứng nhận Tổ chức kiểm toán năng lượng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.

Điều 17. Trách nhiệm Tổ chức Kiểm toán năng lượng

1. Tổ chức Kiểm toán năng lượng thực hiện duy trì các điều kiện năng lực theo đúng Giấy chứng nhận được cấp.

Khi có sự thay đổi liên quan tới các điều kiện thực hiện kiểm toán năng lượng quy định tại Điều 11, tổ chức phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Công Thương trong thời gian 10 ngày kể từ khi có sự thay đổi.

2. Tổ chức Kiểm toán năng lượng có trách nhiệm đảm bảo an toàn trong thực hiện kiểm toán năng lượng

2. Tổ chức Kiểm toán năng lượng thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm tới Bộ Công Thương trước ngày 31 tháng 01 năm tiếp theo. Biểu mẫu tại Mẫu 6 Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Thực hiện báo cáo đột xuất nếu có yêu cầu của cơ quan chức năng.

CHƯƠNG V

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 18. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

b) Xây dựng mục tiêu, đăng ký chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng tại đơn vị; chỉ đạo việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng hàng năm.

c) Kiểm tra việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị; tổ chức tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, đơn vị thực hiện tiết kiệm năng lượng.

d) Thống kê và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng hàng năm theo quy định tại khoản 1, Điều 18 Nghị định này.

đ) Khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt; xử lý kịp thời các vi phạm quy định về sử dụng tiết kiệm năng lượng tại cơ quan, đơn vị.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong Luật Sử dụng năng

lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch kiểm tra giám sát đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để khen thưởng hoặc xử lý vi phạm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 19. Mua sắm phương tiện, thiết bị của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc mua sắm phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm.

Điều 20. Báo cáo sử dụng năng lượng của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

1. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước lập báo cáo sử dụng năng lượng của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Nội dung báo cáo gồm:

a) Tên, địa chỉ.

b) Kế hoạch sử dụng năng lượng hàng năm; kế hoạch thay thế hoặc mua sắm mới, sửa chữa phương tiện, thiết bị; mục tiêu và giải pháp để tiết kiệm năng lượng hàng năm.

c) Tình hình sử dụng năng lượng; phương tiện, thiết bị được thay thế hoặc mua sắm mới, sửa chữa và các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện trong năm; so sánh với kế hoạch.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phân cấp việc tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp thông tin các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Bộ Công Thương.

3. Bộ Công Thương hướng dẫn biểu mẫu, thời hạn gửi báo cáo quy định tại Điều này.

Chương VI
DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG CHO
PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ VẬT LIỆU
XÂY DỰNG (Khoản 15, 16, 17 và 18 Điều 1 Luật 77)

Điều 21. Phân loại nhãn năng lượng

1. Nhãn năng lượng gồm các loại như sau:

a) Nhãn so sánh là nhãn cung cấp thông tin về mức tiêu thụ năng lượng, loại năng lượng sử dụng, hiệu suất năng lượng và các thông tin khác giúp người tiêu dùng so sánh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường để nhận biết và lựa chọn phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng.

b) Nhãn xác nhận là nhãn cho phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng có chỉ số hiệu suất năng lượng cao so với phương tiện, thiết bị vật liệu cùng loại;

c) Nhãn năng lượng của phương tiện là nhãn cung cấp các thông tin liên quan đến loại năng lượng sử dụng, **mức tiêu thụ năng lượng và kiểu loại phương tiện.**

2. Chỉ số hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng được quy định trong các Tiêu chuẩn quốc gia về Hiệu suất năng lượng các cơ quan có thẩm quyền ban hành;

3. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng căn cứ chỉ số hiệu suất năng lượng quy định mức hiệu suất năng lượng trong nhãn so sánh và nhãn xác nhận tương ứng.

Điều 22. Phòng thử nghiệm hiệu suất năng lượng

Phòng thử nghiệm phù hợp tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng để dán nhãn năng lượng khi có các điều kiện sau đây:

1. Phòng thử nghiệm chuyên ngành đã được công nhận theo tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thử nghiệm Việt Nam (VILAS) hoặc các phòng thử nghiệm đã được công nhận bởi các tổ chức công nhận đã ký kết thỏa ước thừa nhận lẫn nhau là Hiệp hội các phòng thử nghiệm được công nhận quốc tế (ILAC) và Hiệp hội các phòng thử nghiệm được công nhận Châu Á – Thái Bình Dương (APLAC).

2. Phòng thử nghiệm chưa được công nhận theo tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thử nghiệm Việt Nam nhưng có đủ năng lực thử nghiệm về hiệu suất năng lượng được Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận và chỉ định thực hiện việc thử nghiệm phù hợp tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng khi đáp ứng các quy định pháp luật hiện hành hoặc các yêu cầu sau:

a) Có nhân viên thử nghiệm được đào tạo đúng chuyên ngành kỹ thuật đối với phương tiện, thiết bị vật liệu thử nghiệm.

b) Có thiết bị thử nghiệm, được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định và đủ độ chính xác để thực hiện các chỉ tiêu thử nghiệm.

3. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng công bố Danh mục các phòng thử nghiệm đạt chuẩn thực hiện việc thử nghiệm hiệu suất năng lượng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.

Điều 23. Hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng

1. Hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng bao gồm:

a) Các thông số kỹ thuật của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng.

b) Kết quả thử nghiệm hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng do các phòng thử nghiệm quy định tại Điều 20 Nghị định này cấp.

c) Giấy công bố dán nhãn năng lượng.

d) Mẫu nhãn năng lượng dự kiến

2. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tiếp nhận Hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng.

Điều 24. Đình chỉ việc dán nhãn năng lượng

1. Các trường hợp sau đây bị đình chỉ việc dán nhãn năng lượng:

a) Dán nhãn năng lượng giả.

b) Dán nhãn năng lượng khi chưa thực hiện Công bố dán nhãn năng lượng

c) Nhãn năng lượng không đúng nội dung, quy cách hoặc ghi sai thông số hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng.

2. Đình chỉ, thu hồi dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng trong các trường hợp sau đây:

a) Có gian dối trong hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng.

b) Có kết quả thử nghiệm không đúng với hiệu suất năng lượng thực tế của

phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng.

c) Bị xử phạt 02 lần do vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng hướng dẫn việc thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 25. Báo cáo của các cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng

1. Cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng có trách nhiệm hàng năm gửi báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại địa phương các nội dung sau:

a) Tên cơ sở, địa chỉ.

b) Chung loại phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng và số lượng từng loại đã bán.

c) Hiệu suất năng lượng của từng loại phương tiện, thiết bị, Vật liệu xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành phố trực thuộc trung ương tại địa phương giao Sở quản lý chuyên ngành tiếp nhận tổng hợp thông tin báo cáo của các cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng tại địa phương, gửi Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo.

3. Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng hướng dẫn biểu mẫu báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 26. Báo cáo của các doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng

1. Doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng có trách nhiệm hàng năm gửi báo cáo tới Sở quản lý chuyên ngành tại địa phương các nội dung sau:

a) Tên cơ sở, địa chỉ.

b) Chung loại phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng; nước sản xuất và số lượng từng loại phương tiện, thiết bị nhập khẩu.

c) Hiệu suất năng lượng của từng loại phương tiện, thiết bị, thông tin cách nhiệt vật liệu xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở quản lý chuyên ngành tiếp nhận tổng hợp thông tin báo cáo của các cơ sở nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng tại địa phương gửi quản lý là Bộ Công Thương hoặc Bộ Xây dựng trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo.

3. Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng hướng dẫn biểu mẫu báo cáo quy định tại Điều này.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm cung cấp thông tin về chủng loại, số lượng, nguồn gốc phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, vật liệu xây dựng nhập khẩu thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng theo đề nghị của Bộ chuyên ngành.

Điều 27. Kiểm tra, báo cáo việc thực hiện dán nhãn năng lượng

1. Hàng năm, các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu đã công bố dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng có trách nhiệm thống kê về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị, vật liệu được dán nhãn năng lượng đã đưa ra thị trường trong năm và gửi về Bộ quản lý chuyên ngành trước ngày 01 tháng 3 năm tiếp theo.

2. Các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị và vật liệu vi phạm các quy định về dán nhãn năng lượng bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra việc thực hiện thử nghiệm phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng để dán nhãn năng lượng tại các phòng thử nghiệm; kiểm tra hoạt động in, dán nhãn năng lượng; kiểm tra định kỳ hoặc bất thường phương tiện, thiết bị đã được dán nhãn năng lượng đang lưu thông trên thị trường.

Điều 28. Phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng sử dụng năng lượng phải loại bỏ

1. Căn cứ xác định phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết , vật liệu phải loại bỏ bao gồm:

a) Không đạt các quy chuẩn an toàn của phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng.

b) Hiệu suất sử dụng năng lượng của phương tiện, thiết bị thấp hơn mức hiệu suất năng lượng tối thiểu, vật liệu xây dựng không đáp ứng được tiêu chuẩn cách nhiệt.

c) Phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố trong tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phương tiện, thiết , vật liệu phải loại bỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Nghiêm cấm việc nhập khẩu, lưu thông các phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và, vật liệu xây dựng phải loại bỏ.

Chương VII

BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Điều 29. Áp dụng các biện pháp quản lý và công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan ban hành quy định về các biện pháp quản lý và công nghệ khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng trong sản xuất công nghiệp theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan ban hành quy định về các biện pháp quản lý và công nghệ khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng trong hoạt động xây dựng theo quy định tại Điều 15 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hoạt động giao thông vận tải theo quy định tại Điều 19 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan ban hành quy định về các biện pháp quản lý và công nghệ khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng trong sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 30. Kiểm toán năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng tại các cơ sở không thuộc Danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

1. Khuyến khích các cơ sở không thuộc Danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm định kỳ tổ chức kiểm toán năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở thực hiện kiểm toán năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng như đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.

Điều 31. Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gồm các nội dung chính sau:

a) Hoàn thiện khung thể chế, cập nhật các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

b) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

c) Nghiên cứu, phát triển các dự án ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất năng lượng trong sản xuất công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải, nông nghiệp, dịch vụ.

d) Hỗ trợ dự án thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Nguồn tài chính thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được hình thành từ:

a) Ngân sách nhà nước dành cho Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả không thuộc loại chi ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động khoa học, công nghệ.

b) Các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước.

c) Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

d) Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

b) Thường trực cơ quan chỉ đạo Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đặt tại Bộ Công Thương. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng nội dung, nhiệm vụ, cơ chế quản lý của Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

c) Bộ Tài chính chủ trì, với Bộ Công Thương xây dựng cơ chế tài chính của Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

d) Căn cứ vào Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai nhiệm vụ được phân công, phân cấp.

Điều 32. Các chính sách ưu đãi đối với hoạt động thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh bao gồm các dự án đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; các dự án đầu tư và chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; các dự án chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến công nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; các dự án đầu tư về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả do tổ chức dịch vụ năng lượng thực hiện.

2. Các tổ chức dịch vụ năng lượng được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ của Nhà

nước, hỗ trợ của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và hỗ trợ từ Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Các cơ sở sử dụng năng lượng ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước hoặc tổ chức cung cấp năng lượng do Nhà nước quản lý hoặc ủy quyền được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ từ Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước.

4. Nhà nước ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối các tổ chức dịch vụ năng lượng, khuyến khích các tổ chức dịch vụ năng lượng tham gia đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 33. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:

a) Vốn điều lệ tối thiểu 1.000 tỷ đồng do ngân sách nhà nước cấp. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả do Thủ tướng Chính phủ quyết định phù hợp với từng thời kỳ;

b) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện không phải hoàn trả của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

c) Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ theo quy định;

d) Các nguồn vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật bảo đảm phù hợp với khả năng hoàn trả của Quỹ.

3. Vốn nhận ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ chế tài chính đối với Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 34. Nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng,

động viên sự tham gia của nhân dân trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Các biện pháp nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm:

a) Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về quản lý năng lượng cho các cơ sở, ngành và địa phương.

b) Phổ cập nội dung tiết kiệm năng lượng thông qua hệ thống giáo dục các cấp và các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Đưa nội dung thúc đẩy các hoạt động tiết kiệm năng lượng vào hoạt động của các hội khoa học kỹ thuật, tổ chức đoàn thể quần chúng.

d) Tổ chức các phòng trưng bày sản phẩm tiết kiệm năng lượng, tổ chức các cuộc thi sáng tạo về tiết kiệm năng lượng.

Chương VIII

KIỂM TRA, THANH TRA VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Điều 35. Nội dung kiểm tra, thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Chế độ, nội dung báo cáo, kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, kiểm toán năng lượng tại các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.

2. Hoạt động của các tổ chức tư vấn kiểm toán năng lượng.

3. Chế độ báo cáo, thống kê sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng.

4. Việc tuân thủ các quy định về hoạt động dán nhãn năng lượng.

5. Việc tuân thủ các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Các nội dung quy định về các hành vi bị cấm tại Điều 8 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 36. Quyền hạn và trách nhiệm về kiểm tra, thanh tra sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý năng lượng có trách nhiệm

thường xuyên kiểm tra việc sử dụng năng lượng của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; kiểm tra hoạt động dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2. Đoàn thanh tra, thanh tra viên khi tiến hành thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về thanh tra; không được gây phiền hà, sách nhiễu, làm cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của đối tượng thanh tra.

b) Áp dụng kịp thời các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận thanh tra và biện pháp xử lý do mình quyết định.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Đối tượng thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Cung cấp cho đoàn thanh tra, thanh tra viên các tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra.
2. Tạo điều kiện để đoàn thanh tra và thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ.
3. Chấp hành các quyết định xử lý của đoàn thanh tra, thanh tra viên.
4. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Chương IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 38. Trách nhiệm của các Bộ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Bộ Công Thương:

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

b) Phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giám sát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định này, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Tổ chức và bố trí nguồn nhân lực phù hợp để giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ:

Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và công bố tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng và mức hiệu suất năng lượng tối thiểu cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng đang được sử dụng phổ biến theo lộ trình dán nhãn năng lượng; tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng đối với kết cấu kiến trúc, vật liệu xây dựng, chiếu sáng, sưởi ấm, làm mát và mức cung cấp năng lượng cho các khu vực chủ yếu trong các tòa nhà; tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống quản lý năng lượng trong cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, tòa nhà và doanh nghiệp vận tải.

b) Phối hợp với các Bộ quản lý ngành liên quan xây dựng chính sách chuyển giao công nghệ, tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Bộ Xây dựng:

Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong thiết kế xây dựng các công trình xây dựng, vật liệu xây dựng, ban hành định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc quản lý sử dụng năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong hoạt động xây dựng; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với hoạt động xây dựng.

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn các kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm

và hiệu quả trong hoạt động xây dựng.

d) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng đối với một số loại phương tiện giao thông vận tải phù hợp với từng thời kỳ và tổ chức kiểm tra việc tuân thủ.

đ) Ban hành quy định về quản lý kỹ thuật, hướng dẫn doanh nghiệp kinh doanh vận tải xây dựng định ngạch và thực hiện công tác bảo dưỡng kỹ thuật định kỳ trong quá trình khai thác, sử dụng phương tiện giao thông vận tải nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc quản lý sử dụng năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong hoạt động giao thông, vận tải; chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong công tác tổ chức, điều hành hệ thống giao thông vận tải.

g) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng; nghiên cứu phát triển các dạng nhiên liệu, năng lượng tái tạo thay thế nhiên liệu truyền thống sử dụng trong giao thông vận tải.

h) Bộ Xây dựng xây dựng chỉ tiêu đánh giá hiệu suất sử dụng năng lượng trong vận chuyển hàng hóa, hành khách.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, thủy lợi.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc quản lý sử dụng năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất nông nghiệp; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với sản xuất nông nghiệp, thủy lợi.

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn các kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, nông thôn và thủy lợi.

5. Bộ Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hướng dẫn chi tiết về chính sách ưu đãi tài chính đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Tổ chức đưa nội dung về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào hoạt động giáo dục, đào tạo phù hợp với từng cấp học.

7. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức và chỉ đạo các phương tiện truyền thông thực hiện các chương trình quảng bá, nâng cao nhận thức của xã hội về thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 39. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tại địa phương kiểm tra, rà soát, lập danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm một (01) năm một lần.

3. Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp thông tin của các báo cáo và kế hoạch sử dụng năng lượng của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm tại địa phương.

Điều xx. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 41. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b)

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đăng ký hoạt động Kiểm toán năng lượng
Mẫu số 02	Danh sách kiểm toán viên năng lượng
Mẫu số 03	Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Kiểm toán năng lượng
Mẫu số 05	Giấy chứng nhận đơn vị kiểm toán năng lượng
Mẫu số 06	Báo cáo hoạt động kiểm toán năng lượng

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

Mã số đăng ký doanh nghiệp

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số..... Cơ quan cấp:..... cấp ngày..... tại

4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán năng lượng, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện đăng ký hoạt động kiểm toán năng lượng

Trong lĩnh vực điện, nhiệt, hơi, khí nén, chiếu sáng

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm toán năng lượng nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC:

DANH SÁCH KIỂM TOÁN VIÊN NĂNG LƯỢNG

Danh sách kiểm toán viên năng lượng

STT	Họ và tên	Chuyên môn được đào tạo	Giấy Chứng nhận Kiểm toán viên số	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm kiểm toán năng lượng (ghi số lượng kiểm toán năng lượng đã tham gia)	Loại hợp đồng lao động đã ký	Ghi chú
1							
2							
....							

(Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của Kiểm toán viên năng lượng đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày.... tháng.....năm 2025 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 03**TÊN TỔ CHỨC:****DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ THỬ NGHIỆM, ĐO LƯỜNG
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG****1. Trang thiết bị cần kiểm định/hiệu chuẩn theo kế hoạch**

TT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính	Năm sản xuất, nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng và tình trạng thiết bị	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
...				

2. Trang thiết bị khác

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú

(Tên tổ chức) cam kết các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NĂNG
LƯỢNG**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Kiểm toán năng lượng
số:..... ngày.../.../20... của Bộ Công Thương

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Kiểm toán năng
lượng:

5. Hồ sơ kèm theo:

-

-

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Kiểm
toán năng lượng cho

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh
giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp
luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
CHUYÊN ĐỔI XANH VÀ
KHUYẾN CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định/Quyết định số..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm xét hồ sơ), (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) chứng nhận:

1. (Tên tổ chức kiểm toán năng lượng)

Mã số Doanh nghiệp:

Địa chỉ:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

.....

Đã đăng ký hoạt động kiểm toán năng lượng đối với ngành..... 2 trong lĩnh vực..... 3

2. Số đăng ký:

.....

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ... năm kể từ ngày ký./.

<p><i>Nơi nhận:</i> - Tên tổ chức tại mục 1; - Lưu VT,...</p>	BỘ CÔNG THƯƠNG

Mẫu số 06

(TÊN CƠ QUAN CHỦ
QUẢN)
(TÊN TỔ CHỨC KIỂM
TOÁN NĂNG LƯỢNG)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÊN TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG
(Từ ngày.... /.../ 20... đến ngày.... /.../20....)

Kính gửi: Cục ĐCK Bộ Công Thương

1. Tên tổ chức **TÊN TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG**
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:
4. Tình hình hoạt động

(Tên tổ chức chứng nhận) báo cáo tình hình hoạt động **KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG** từ ngày... /.../ 20... đến ngày... /.../ 20... như sau:

a) Đơn vị được **KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG** trong kỳ báo cáo

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ (ghi địa danh tỉnh/ thành phố)	Thời gian thực hiện báo cáo Kiểm toán năng lượng	Ghi chú
1				
2				

5. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có)

(Tên tổ chức chứng nhận) báo cáo để (cơ quan cấp Giấy chứng nhận) biết./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (thay thế Nghị định số 21/2011/NĐ-CP)	THUYẾT MINH
<p>Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về thống kê về sử dụng năng lượng; cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng; biện pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; kiểm tra, thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	<p>Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về thống kê năng lượng; quản lý giám sát sử dụng năng lượng; cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; Tổ chức kiểm toán năng lượng; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng; Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Tổ chức dịch vụ năng lượng, biện pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; kiểm tra, thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	<p>- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã bổ sung quy định về Tổ chức kiểm toán năng lượng, dán nhãn năng lượng cho vật liệu xây dựng, Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Tổ chức dịch vụ năng lượng. Do vậy cần bổ sung vào phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Nghị định để hướng dẫn thực hiện.</p>
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sử dụng năng lượng tại Việt Nam.</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sử dụng năng lượng tại Việt Nam.</p>	

<p style="text-align: center;">Chương II THỐNG KÊ VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG</p> <p style="text-align: center;">Điều 3. Chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng</p> <p>Chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được áp dụng thống nhất trong cả nước và cập nhật hàng năm, bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhóm chỉ tiêu về số lượng, khối lượng năng lượng sử dụng chia theo: <ol style="list-style-type: none"> a) Ngành kinh tế. b) Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. c) Mục đích sử dụng. d) Loại năng lượng. 2. Chỉ tiêu về suất tiêu hao năng lượng chia theo một số sản phẩm chủ yếu. 3. Nhóm chỉ tiêu về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải dán nhãn năng lượng được sản xuất, nhập khẩu, 4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung các chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; tổ chức chỉ đạo định kỳ thực hiện công bố xã hội các thông tin thống kê về sử dụng năng lượng. 	<p style="text-align: center;">Chương II THỐNG KÊ VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG</p> <p style="text-align: center;">Điều 3. Chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng</p> <p>Chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được áp dụng thống nhất trong cả nước và cập nhật hàng năm, bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhóm chỉ tiêu về số lượng, khối lượng năng lượng sử dụng chia theo: <ol style="list-style-type: none"> a) Ngành kinh tế. b) Mục đích sử dụng. c) Loại năng lượng. 2. Chỉ tiêu về suất tiêu hao năng lượng chia theo một số sản phẩm chủ yếu. 3. Nhóm chỉ tiêu về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng được sản xuất, nhập khẩu. 4. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, cơ quan quản lý chuyên ngành phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hệ thống chỉ tiêu quản lý chuyên ngành về sử dụng năng lượng. 	<p>- Tại Điều 3 bỏ chỉ tiêu thống kê về Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm vì viện ban hành danh sách Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm được phân cấp xuống UBND cấp tỉnh thực hiện, Do vậy, việc thống kê Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm do UBND cấp tỉnh thực hiện. Hơn nữa, bỏ chỉ tiêu này để phù hợp với pháp luật về thống kê.</p>
<p style="text-align: center;">Điều 4. Trách nhiệm thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin thống kê về sử dụng năng lượng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp Bộ 	<p style="text-align: center;">Điều 4. Trách nhiệm thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin thống kê về sử dụng năng lượng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với 	<p>- Giữ nguyên</p>

<p>Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin thống kê về sử dụng năng lượng.</p> <p>2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lập báo cáo, gửi Bộ Công Thương về thông tin thống kê sử dụng năng lượng thuộc ngành, lĩnh vực và đối tượng quản lý.</p>	<p>các Bộ Tài chính và Bộ chuyên ngành, hướng dẫn việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin về quản lý năng lượng.</p> <p>2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo, gửi Bộ Công Thương về thông tin quản lý sử dụng năng lượng thuộc ngành, lĩnh vực và đối tượng quản lý.</p>	
<p>Điều 5. Tổ chức hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia</p> <p>1. Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia.</p> <p>2. Các thông tin của cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia gồm:</p> <p>a) Các chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng quy định tại Điều 3 Nghị định này.</p> <p>b) Số lượng, khối lượng năng lượng sơ cấp được khai thác trong nước, nhập khẩu, gồm: than, dầu thô, khí thiên nhiên, thủy điện, điện năng, năng lượng tái tạo, năng lượng hạt nhân.</p> <p>c) Số lượng, khối lượng năng lượng sản xuất trong nước, gồm: điện năng, nhiên liệu từ sản phẩm dầu mỏ, than đá.</p> <p>d) Chỉ tiêu về chỉ số giá một số loại năng lượng chủ yếu.</p>	<p>Điều 5. Tổ chức hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia</p> <p>1. Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia.</p> <p>2. Các thông tin của cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia gồm:</p> <p>a) Thông tin cân bằng cung cầu năng lượng bao gồm: Thông tin, số liệu cung cấp năng lượng sơ cấp; Thông tin, số liệu sản xuất và chuyển đổi năng lượng; Thông tin, số liệu tiêu thụ năng lượng cuối cùng và phi năng lượng.</p> <p>b) Số lượng, khối lượng năng lượng sơ cấp được khai thác trong nước, nhập khẩu, gồm: than, dầu thô, khí thiên nhiên, thủy điện, điện năng, năng lượng tái tạo, năng lượng hạt nhân.</p> <p>c) Số lượng, khối lượng năng lượng sản xuất trong nước, gồm: điện năng, nhiên liệu từ sản phẩm dầu mỏ, than đá và chuyển đổi năng lượng</p> <p>d) Đặc điểm kỹ thuật Cơ sở hạ tầng năng lượng bao gồm nhà máy điện, đường dây và trạm điện.</p>	<p>- Giữ nguyên</p>

	<p>đ) Chỉ tiêu về chỉ số giá một số loại năng lượng chủ yếu.</p> <p>Hàng năm, trước 15/1 gửi báo cáo về Bộ Công Thương để tổng hợp báo cáo Chính phủ.</p> <p>Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong các cơ sở sản xuất, vận chuyển và phân phối năng lượng. Cơ sở sản xuất, vận chuyển và phân phối năng lượng có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương để xây dựng quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong các cơ sở.</p>	
<p style="text-align: center;">Chương III CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM</p> <p style="text-align: center;">Điều 6. Xác định cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm</p> <p>1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là các cơ sở có mức sử dụng năng lượng sau đây:</p> <p>a) Cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, đơn vị vận tải có tiêu thụ năng lượng tổng cộng trong một năm quy đổi ra một nghìn tấn dầu tương đương (1000 TOE) trở lên.</p> <p>b) Các công trình xây dựng được dùng làm trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng có tiêu thụ năng lượng tổng cộng trong một năm quy đổi ra năm trăm tấn dầu tương đương (500 TOE) trở lên.</p> <p>2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ điều</p>	<p style="text-align: center;">Chương III CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM</p> <p style="text-align: center;">Điều 6. Xác định cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm</p> <p>1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là cơ sở sử dụng năng lượng hằng năm với khối lượng lớn, quy định như sau:</p> <p>a) Cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, đơn vị vận tải có tiêu thụ năng lượng tổng cộng trong một năm quy đổi ra một nghìn tấn dầu tương đương (1000 TOE) trở lên. Tổng tiêu thụ năng lượng bao gồm tiêu thụ điện, than, dầu khí và các dạng năng lượng khác được xác định tại một vị trí địa lý của cơ sở tiêu thụ năng lượng trong một (01) năm. Đối với các đơn vị vận tải, tổng tiêu thụ năng lượng bao gồm tiêu thụ điện, than, dầu khí và các dạng năng lượng khác của các phương tiện trong một (01) năm</p> <p>b) Các công trình xây dựng được dùng làm trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở</p>	<p>- Giữ nguyên. Tuy nhiên làm rõ hơn quy định đối với Cơ sở sử dụng năng lượng về vị trí địa lý.</p>

<p>chính việc xác định cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.</p>	<p>giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng có tiêu thụ năng lượng tổng cộng trong một năm quy đổi ra năm trăm tấn dầu tương đương (500 TOE) trở lên. Tổng tiêu thụ năng lượng bao gồm tiêu thụ điện, than, dầu khí và các dạng năng lượng khác được xác định tại một vị trí địa lý của cơ sở tiêu thụ năng lượng trong một năm.</p> <p>2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ điều chỉnh việc xác định cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.</p>	
<p>Điều 7. Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm</p> <p>1. Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, lập danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình gửi Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tại địa phương kiểm tra, rà soát, lập danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn; tổng hợp gửi Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.</p> <p>3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong cả nước trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.</p>	<p>Điều 7. Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm</p> <p>1. Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, lập danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm thuộc phạm vi quản lý đơn vị mình gửi Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt, ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn một năm một lần trước ngày 31 tháng 3 hàng năm; tổng hợp gửi Bộ Công Thương hàng năm.</p> <p>3. Bộ Công Thương tổng hợp danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên toàn quốc hàng năm.</p>	<p>- Phân cấp việc ban hành Danh sách Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.</p>

<p>Điều 8. Mô hình quản lý năng lượng Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải áp dụng mô hình quản lý năng lượng. Mô hình quản lý năng lượng được thực hiện theo các nội dung chính sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố mục tiêu, chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở. 2. Xây dựng kế hoạch hàng năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở; xây dựng và thực hiện các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo mục tiêu, chính sách và kế hoạch đã lập; quy định chế độ trách nhiệm đối với từng tập thể, cá nhân liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở. 3. Có mạng lưới và người quản lý năng lượng theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. 4. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi nhu cầu tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị trên toàn bộ dây chuyền sản xuất, tình hình lắp đặt mới, cải tạo, sửa chữa thiết bị sử dụng năng lượng của cơ sở. 5. Thực hiện chế độ kiểm toán năng lượng; đề xuất và lựa chọn thực hiện các giải pháp quản lý và công nghệ nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. 6. Định kỳ tổ chức đào tạo, tập huấn cho người lao động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. 7. Có chế độ thưởng, phạt nhằm thúc đẩy 	<p>Điều 8. Mô hình quản lý năng lượng 1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải áp dụng mô hình quản lý năng lượng. Mô hình quản lý năng lượng được thực hiện theo các nội dung chính sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Công bố mục tiêu, chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở. b) Xây dựng kế hoạch hàng năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở; xây dựng và thực hiện các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo mục tiêu, chính sách và kế hoạch đã lập; quy định chế độ trách nhiệm đối với từng tập thể, cá nhân liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở. c) Có Bộ máy và người quản lý năng lượng theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. d) Tổ chức quản lý, giám sát hệ thống đo đếm đáp ứng tiêu chuẩn, bảo đảm tính chính xác của thiết bị đo nhằm theo dõi, giám sát tình trạng sử dụng năng lượng, thống kê tình hình tiêu thụ, sử dụng các dạng năng lượng, lập bảng cân bằng năng lượng của cơ sở; quản lý, giám sát định mức tiêu thụ năng lượng theo sản phẩm sản xuất của cơ sở trọng điểm. đ) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi nhu cầu tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị trên toàn bộ dây chuyền sản xuất. Xây dựng kế hoạch, chương trình lắp đặt mới, cải tạo, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị sản xuất của cơ 	<p>- Bổ sung quy định về Mô hình quản lý năng lượng đối nhằm vận hành hiệu quả mô hình quản lý năng lượng tại doanh nghiệp, như: tăng cường yêu cầu về tổ chức quản lý, giám sát hệ thống đo đếm đáp ứng tiêu chuẩn và giám sát tình hình tiêu thụ năng lượng, thống kê tình hình tiêu thụ năng lượng tại doanh nghiệp.</p>
---	---	---

<p>hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở.</p>	<p>sở. Lập hồ sơ quản lý – vận hành của phương tiện, thiết bị sản xuất.</p> <p>e) Thực hiện chế độ kiểm toán năng lượng; đề xuất và lựa chọn thực hiện các giải pháp quản lý và công nghệ nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>g) Định kỳ tổ chức đào tạo, tập huấn cho người lao động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>h) Có chế độ thưởng, phạt nhằm thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở.</p> <p>2. Đối với Đơn vị sản xuất, phân phối năng lượng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm, và tổ chức kiểm tra giám sát thực hiện giảm tổn thất, hao hụt năng lượng trong hệ thống sản xuất, khai thác, tồn trữ, truyền tải, phân phối và vận chuyển năng lượng.</p> <p>3. Bộ Công Thương xây dựng hướng dẫn mô hình quản lý trong lĩnh vực công nghiệp, Bộ Xây dựng xây dựng hướng dẫn mô hình quản lý năng lượng trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải phù hợp với yêu cầu quản lý.</p>	
<p>Điều 9. Kiểm toán năng lượng</p> <p>1. Nội dung kiểm toán năng lượng bao gồm các công việc chính sau:</p> <p>a) Khảo sát, đo lường, thu thập số liệu về tình hình sử dụng năng lượng của cơ sở.</p> <p>b) Phân tích, tính toán và đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng.</p> <p>c) Đánh giá tiềm năng tiết kiệm năng lượng.</p> <p>d) Đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng</p>	<p>Điều 9. Kiểm toán năng lượng</p> <p>1. Nội dung kiểm toán năng lượng bao gồm các công việc chính sau:</p> <p>a) Khảo sát, chuẩn đoán, đo lường, thu thập số liệu về tình hình sử dụng năng lượng của cơ sở.</p> <p>b) Phân tích, tính, lập bảng cân bằng năng lượng và đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng. Tính toán suất tiêu hao năng lượng trong các khâu sản xuất, tính toán định mức tiêu thụ</p>	<p>- Bổ sung quy định về kiểm toán năng lượng nhằm nâng cao chất lượng của báo cáo kiểm toán và đi sâu vào chất lượng của việc tính toán, phân tích số liệu đối với kiểm toán năng lượng như: yêu cầu lập bảng cân bằng năng lượng và đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng, tính toán suất tiêu hao năng lượng trong các khâu sản xuất, tính toán định mức tiêu thụ năng lượng cho từng ngành theo quy định.</p> <p>- Mặt khác, yêu cầu Bộ Xây dựng và Bộ Công</p>

<p>lượng.</p> <p>đ) Phân tích hiệu quả đầu tư cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất.</p> <p>2. Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm gửi báo cáo kiểm toán năng lượng đến Sở Công Thương trong thời gian 30 ngày, sau khi thực hiện kiểm toán năng lượng.</p>	<p>năng lượng cho từng ngành theo quy định.</p> <p>c) Đánh giá tiềm năng tiết kiệm năng lượng.</p> <p>d) Đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng.</p> <p>đ) Phân tích hiệu quả cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất.</p> <p>Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện kiểm toán năng lượng cho cơ sở giao thông vận tải phù hợp với yêu cầu quản lý.</p> <p>Bộ Công Thương hướng dẫn kiểm toán năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp, công trình xây dựng, nông nghiệp và các lĩnh vực khác.</p> <p>2. Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm có trách nhiệm gửi báo cáo kiểm toán năng lượng đến Sở Công Thương trong thời gian 30 ngày, sau khi thực hiện kiểm toán năng lượng.</p>	<p>Thương theo chức năng, nhiệm vụ phải hướng dẫn thực hiện kiểm toán năng lượng cho các cơ sở sản xuất do Bộ mình quản lý.</p>
<p>Điều 10. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:</p> <p>a) Kế hoạch năm được lập hàng năm.</p> <p>b) Kế hoạch năm năm được lập cho từng giai đoạn năm năm.</p> <p>2. Kế hoạch năm và năm năm gồm các phần chính sau:</p> <p>a) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm trước (đối với kế hoạch năm); của năm năm trước (đối với kế hoạch năm năm).</p> <p>b) Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết</p>	<p>Điều 10. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:</p> <p>a) Kế hoạch năm được lập hàng năm về các chỉ tiêu giảm tổn thất, suất tiêu hao năng lượng, tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng năng lượng tại Cơ sở.</p> <p>b) Kế hoạch năm năm được lập cho từng giai đoạn năm năm.</p> <p>2. Kế hoạch năm và năm năm gồm các phần chính sau:</p> <p>a) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch</p>	<p>- Làm rõ kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm như: các chỉ tiêu giảm tổn thất, suất tiêu hao năng lượng, tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng năng lượng tại Cơ sở.</p>

<p>kiệm và hiệu quả của năm kế hoạch (đối với kế hoạch năm); của năm năm tới (đối với kế hoạch năm năm).</p> <p>3. Bộ Công Thương hướng dẫn nội dung, biểu mẫu, thời gian lập, trình tự và thủ tục gửi báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.</p>	<p>năm trước (đối với kế hoạch năm); của năm năm trước (đối với kế hoạch năm năm).</p> <p>b) Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của năm kế hoạch (đối với kế hoạch năm); của năm năm tới (đối với kế hoạch năm năm).</p> <p>3. Bộ Công Thương hướng dẫn nội dung, biểu mẫu, thời gian lập, trình tự và thủ tục gửi báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.</p>	
	<p>Điều 11. Đào tạo và cấp chứng chỉ Kiểm toán viên năng lượng</p> <p>1. Đối tượng tham gia khóa đào tạo kiểm toán viên năng lượng phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành năng lượng hoặc kỹ thuật có liên quan trở lên.</p> <p>2. Chứng chỉ Kiểm toán viên năng lượng do đơn vị đào tạo cấp sau khi học viên tham gia khóa đào tạo và đạt kết quả trong kỳ thi do Bộ Công Thương quy định.</p> <p>3. Trong trường hợp người được cấp chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng vi phạm, gian lận trong quá trình thực hiện kiểm toán năng lượng sẽ bị thu hồi chứng chỉ kiểm toán năng lượng và xử phạt theo các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định hiện hành.</p> <p>4. Bộ Công Thương quy định nội dung, chương trình đào tạo, thực hiện kiểm tra, giám sát; thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi, thống nhất mẫu chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng và hướng dẫn quy cách đánh số đối với Kiểm toán viên năng lượng.</p>	<p>- Bổ sung quy định về đối tượng tham gia các khóa đào tạo kiểm toán năng lượng. Việc cấp chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng được phân cấp cho các cơ sở đào tạo cấp. Bộ Công Thương chỉ quy định về chương trình đào tạo, chế độ kiểm tra, giám sát, quy trình công nhận, mẫu chứng chỉ và quy cách đánh số để đảm bảo tính thống nhất và chất lượng trong đào tạo, cấp chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng.</p>

	<p style="text-align: center;">Điều 12. Đào tạo và cấp chứng chỉ Quản lý năng lượng</p> <p>1. Chứng chỉ quản lý năng lượng do Bộ Công Thương cấp hoặc tổ chức được ủy quyền cấp, có thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp và được cấp lại khi cá nhân tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và đạt yêu cầu đánh giá.</p> <p>2. Trường hợp phát hiện vi phạm, gian lận hoặc không đáp ứng yêu cầu công việc, Bộ Công Thương sẽ thu hồi chứng chỉ.</p> <p>3. Tổ chức được ủy quyền cấp chứng chỉ quản lý năng lượng là tổ chức đào tạo về quản lý năng lượng, được thành lập theo quy định của pháp luật, có cơ sở vật chất để đào tạo lý thuyết và thực hành theo chương trình đào tạo của Bộ Công Thương quy định.</p>	<p>- Bổ sung quy định về đào tạo và cấp chứng chỉ quản lý năng lượng như: thời hạn của chứng chỉ, thẩm quyền cấp và đối tượng được ủy quyền cấp chứng chỉ quản lý năng lượng nhằm đảm bảo chất lượng và tính thống nhất trong việc công nhận, ủy quyền cấp và quá trình đào tạo.</p>
	<p style="text-align: center;">Chương IV TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG</p> <p style="text-align: center;">Điều 13. Yêu cầu đối với Tổ chức Kiểm toán năng lượng</p> <p>1. Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Có năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu kiểm toán năng lượng phù hợp với đối tượng được kiểm toán năng lượng.</p> <p>3. Yêu cầu về nhân lực:</p> <p>a) Người quản lý kỹ thuật của Tổ chức kiểm toán năng lượng có bằng Đại học chuyên ngành Năng lượng hoặc các ngành kỹ thuật có liên quan có 05 năm kinh nghiệm;</p> <p>b) Người phụ trách bảo đảm chất lượng</p>	<p>- Xây dựng quy định đối với các tổ chức kiểm toán năng lượng nhằm quản lý chất lượng của các tổ chức thực hiện kiểm toán năng lượng</p>

	<p>và kiểm soát chất lượng của Tổ chức kiểm toán năng lượng phải có trình độ đại học trở lên và phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán năng lượng;</p> <p>c) Tổ chức có ít nhất 03 Kiểm toán viên năng lượng (có Hợp đồng lao động thời hạn từ 12 tháng trở lên).</p> <p>4. Có phương tiện, thiết bị, dụng cụ, quy trình đo đạc, phù hợp với lĩnh vực được kiểm toán năng lượng (điện, nhiệt, hơi, khí nén, chiếu sáng) và quy định của pháp luật hiện hành. Có quy trình quản lý, vận hành, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị đo, đảm bảo tính chính xác của phương tiện, thiết bị đo.</p> <p>5. Hàng năm phải đào tạo, đánh giá tay nghề của Kiểm toán viên năng lượng.</p>	
	<p>Điều 14 Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận Tổ chức Kiểm toán năng lượng</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Bộ Công Thương là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký Tổ chức Kiểm toán năng lượng</p> <p>2. Trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:</p> <p>a) Đơn đăng ký Tổ chức Kiểm toán năng lượng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</p> <p>c) Danh sách Kiểm toán viên năng lượng theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi kiểm toán viên năng lượng gồm: Bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp</p>	<p>- Bổ sung quy trình cấp Giấy chứng nhận và quy định cấp lại Giấy chứng nhận đối với tổ chức kiểm toán năng lượng đề phù hợp với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.</p>

	<p>đồng lao động; chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng, bằng cấp, chứng chỉ chuyên ngành Năng lượng hoặc các ngành kỹ thuật có liên quan;</p> <p>d) Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ đo lường phục vụ kiểm toán năng lượng đối với lĩnh vực kiểm toán năng lượng đăng ký theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>3. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục hoạt động kiểm toán năng lượng, Tổ chức kiểm toán năng lượng phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	
	<p>Điều 15. Hình thức nộp hồ sơ</p> <p>Tổ chức Kiểm toán năng lượng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và nộp theo một trong các hình thức sau:</p> <p>1. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ, bản sao các chứng chỉ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định này chưa được chứng thực thì phải có bản chính để đối chiếu.</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ được gửi qua bưu điện, Tổ chức kiểm toán năng lượng phải nộp bản sao các chứng chỉ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định này.</p> <p>3. Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo hình thức dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>- Quy định hình thức nộp hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận kiểm toán năng lượng</p>
	<p>Điều 16. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký Tổ chức Kiểm toán năng lượng</p>	<p>- Quy định trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kiểm toán năng lượng của các đơn vị</p>

	<p>1. Trường hợp cấp mới:</p> <p>a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu Tổ chức kiểm toán năng lượng sửa đổi, bổ sung;</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức Hội đồng đánh giá năng lực của Tổ chức Kiểm toán năng lượng.</p> <p>Hội đồng đánh giá điều kiện hoạt động kiểm toán năng lượng gồm tối thiểu 05 thành viên, với cơ cấu thành phần bao gồm: 01 Chủ tịch hội đồng; 01 Phó Chủ tịch hội đồng khi cần thiết; 01 ủy viên thư ký và các ủy viên khác là chuyên gia có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán năng lượng. Thành viên hội đồng đánh giá có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, kiểm tra thực tế tại tổ chức; viết bản nhận xét, phiếu đánh giá về các nội dung chứng nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình.</p> <p>Kinh phí thuê chuyên gia cho Hội đồng đánh giá được triển khai thực hiện theo Nghị định 173/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/6/2025 Về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức</p> <p>Biên bản đánh giá của Hội đồng tại Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;</p>	<p>tư vấn hoạt động kiểm toán năng lượng</p>
--	--	--

	<p>Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cho Tổ chức kiểm toán năng lượng theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>c) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không quá 03 năm kể từ ngày cấp.</p> <p>2. Trường hợp cấp lại, cấp bổ sung:</p> <p>a) Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp Tổ chức kiểm toán năng lượng có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức;</p> <p>b) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Tổ chức kiểm toán năng lượng có nhu cầu đăng ký cấp lại, cấp bổ sung lĩnh vực kiểm toán năng lượng Giấy chứng nhận lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều b Nghị định này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</p> <p>c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức Hội đồng đánh giá năng lực của Tổ chức Kiểm toán năng lượng; chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho Tổ chức kiểm toán năng lượng. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;</p> <p>d) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không quá 03 năm kể từ ngày cấp.</p> <p>3. Bộ Công Thương công bố tổ chức được cấp Giấy chứng nhận Tổ chức kiểm toán năng lượng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.</p>	
	Điều 17. Trách nhiệm Tổ chức Kiểm	- Quy định trách nhiệm đối với Tổ chức kiểm

	<p>toán năng lượng</p> <p>1. Tổ chức Kiểm toán năng lượng thực hiện duy trì các điều kiện năng lực theo đúng Giấy chứng nhận được cấp.</p> <p>Khi có sự thay đổi liên quan tới các điều kiện thực hiện kiểm toán năng lượng quy định tại Điều 11, tổ chức phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Công Thương trong thời gian 10 ngày kể từ khi có sự thay đổi.</p> <p>2. Tổ chức Kiểm toán năng lượng có trách nhiệm đảm bảo an toàn trong thực hiện kiểm toán năng lượng</p> <p>2. Tổ chức Kiểm toán năng lượng thực hiện báo cáo định kì hàng năm tới Bộ Công Thương trước ngày 31 tháng 01 năm tiếp theo. Biểu mẫu tại Mẫu 6 Phụ lục kèm theo Nghị định này.</p> <p>3. Thực hiện báo cáo đột xuất nếu có yêu cầu của cơ quan chức năng.</p>	<p>toán năng lượng nhằm gắn trách nhiệm của Tổ chức kiểm toán năng lượng gắn liền với chế độ báo của Tổ chức kiểm toán năng lượng</p>
<p align="center">Chương IV</p> <p align="center">SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</p> <p align="center">Điều 11. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước</p> <p>1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>b) Xây dựng mục tiêu, đăng ký chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng tại đơn vị; chỉ đạo việc lập</p>	<p align="center">Chương V</p> <p align="center">SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</p> <p align="center">Điều 18. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước</p> <p>1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>b) Xây dựng mục tiêu, đăng ký chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng tại đơn vị; chỉ đạo việc lập</p>	<p>- Giữ nguyên các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, phân cấp, phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc lập kế hoạch kiểm tra giám sát đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để khen thưởng hoặc xử lý vi phạm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>

<p>và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng hàng năm.</p> <p>c) Kiểm tra việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị; tổ chức tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, đơn vị thực hiện tiết kiệm năng lượng.</p> <p>d) Thống kê và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng hàng năm theo quy định tại khoản 1, Điều 13 Nghị định này.</p> <p>đ) Khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt; xử lý kịp thời các vi phạm quy định về sử dụng tiết kiệm năng lượng tại cơ quan, đơn vị.</p> <p>2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định này.</p> <p>3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề xuất với Thủ tướng Chính phủ danh sách cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được khen thưởng hoặc xử lý vi phạm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	<p>và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng hàng năm.</p> <p>c) Kiểm tra việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị; tổ chức tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, đơn vị thực hiện tiết kiệm năng lượng.</p> <p>d) Thống kê và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng hàng năm theo quy định tại khoản 1, Điều 18 Nghị định này.</p> <p>đ) Khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt; xử lý kịp thời các vi phạm quy định về sử dụng tiết kiệm năng lượng tại cơ quan, đơn vị.</p> <p>2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định này.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch kiểm tra giám sát đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để khen thưởng hoặc xử lý vi phạm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	
<p>Điều 12. Mua sắm phương tiện, thiết bị của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước</p> <p>1. Khi thay thế hoặc mua sắm mới phương tiện, thiết bị, cơ quan, đơn vị sử dụng</p>	<p>Điều 19. Mua sắm phương tiện, thiết bị của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước</p> <p>Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc mua sắm phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng</p>	<p>- Việc mua sắm phương tiện, thiết bị của cơ quan quản lý nhà nước sẽ do Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết.</p>

<p>ngân sách nhà nước phải mua sắm các phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm do Thủ tướng Chính phủ quy định.</p> <p>2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm.</p> <p>3. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc mua sắm phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm.</p>	<p>thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm.</p>	
<p>Điều 13. Báo cáo sử dụng năng lượng của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước</p> <p>1. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước lập báo cáo sử dụng năng lượng của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Nội dung báo cáo gồm:</p> <p>a) Tên, địa chỉ.</p> <p>b) Kế hoạch sử dụng năng lượng hàng năm; kế hoạch thay thế hoặc mua sắm mới, sửa chữa phương tiện, thiết bị; mục tiêu và giải pháp để tiết kiệm năng lượng hàng năm.</p> <p>c) Tình hình sử dụng năng lượng; phương tiện, thiết bị được thay thế hoặc mua sắm mới, sửa chữa và các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện trong năm; so sánh với kế hoạch.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực</p>	<p>Điều 20. Báo cáo sử dụng năng lượng của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước</p> <p>1. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước lập báo cáo sử dụng năng lượng của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Nội dung báo cáo gồm:</p> <p>a) Tên, địa chỉ.</p> <p>b) Kế hoạch sử dụng năng lượng hàng năm; kế hoạch thay thế hoặc mua sắm mới, sửa chữa phương tiện, thiết bị; mục tiêu và giải pháp để tiết kiệm năng lượng hàng năm.</p> <p>c) Tình hình sử dụng năng lượng; phương tiện, thiết bị được thay thế hoặc mua sắm mới, sửa chữa và các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện trong năm; so sánh với kế hoạch.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách</p>	<p>- Giữ nguyên</p>

<p>thuộc trung ương có trách nhiệm phân cấp việc tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp thông tin các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Bộ Công Thương.</p> <p>3. Bộ Công Thương hướng dẫn biểu mẫu, thời hạn gửi báo cáo quy định tại Điều này.</p>	<p>nhiệm phân cấp việc tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp thông tin các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Bộ Công Thương.</p> <p>3. Bộ Công Thương hướng dẫn biểu mẫu, thời hạn gửi báo cáo quy định tại Điều này.</p>	
<p style="text-align: center;">Chương V DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG CHO PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG</p> <p>Điều 14. Dán nhãn năng lượng</p> <p>1. Phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường.</p> <p>2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan lập Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng và lộ trình thực hiện, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.</p>	<p style="text-align: center;">Chương VI DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG CHO PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG</p> <p>Điều 21. Phân loại nhãn năng lượng</p> <p>1. Nhãn năng lượng gồm các loại như sau:</p> <p>a) Nhãn so sánh là nhãn cung cấp thông tin về mức tiêu thụ năng lượng, loại năng lượng sử dụng, hiệu suất năng lượng và các thông tin khác giúp người tiêu dùng so sánh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường để nhận biết và lựa chọn phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng.</p> <p>b) Nhãn xác nhận là nhãn cho phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng có chỉ số hiệu suất năng lượng cao so với phương tiện, thiết bị vật liệu cùng loại;</p> <p>c) Nhãn năng lượng của phương tiện là nhãn cung cấp các thông tin liên quan đến loại năng lượng sử dụng, mức tiêu thụ năng lượng và kiểu loại phương tiện.</p> <p>2. Chỉ số hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng được quy định trong các Tiêu chuẩn quốc gia về Hiệu suất năng lượng các cơ quan có thẩm quyền ban hành;</p>	<p>- Bổ sung nhãn năng lượng của phương tiện và chỉ số hiệu suất năng lượng để phù hợp với các quy định về dán nhãn năng lượng cho vật liệu xây dựng và phương tiện. Hơn nữa, bổ sung trách nhiệm của Bộ Xây dựng trong việc dán nhãn năng lượng cho phương tiện và vật liệu xây dựng.</p>

	<p>3. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng căn cứ chỉ số hiệu suất năng lượng quy định mức hiệu suất năng lượng trong nhãn so sánh và nhãn xác nhận tương ứng.</p>	
<p>Điều 15. Phân loại nhãn năng lượng 1. Nhãn năng lượng gồm hai loại: a) Nhãn so sánh là nhãn cung cấp thông tin về mức tiêu thụ năng lượng, loại năng lượng sử dụng, hiệu suất năng lượng và các thông tin khác giúp người tiêu dùng so sánh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường để nhận biết và lựa chọn phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng. b) Nhãn xác nhận là nhãn chứng nhận phương tiện, thiết bị có hiệu suất năng lượng cao nhất so với phương tiện, thiết bị khác cùng loại. 2. Căn cứ vào tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng, Bộ Công Thương quy định mức hiệu suất năng lượng trong nhãn so sánh và nhãn xác nhận.</p>		
<p>Điều 16. Phòng thử nghiệm hiệu suất năng lượng Phòng thử nghiệm được cấp giấy xác nhận thử nghiệm phù hợp tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị để dán nhãn năng lượng khi có các điều kiện sau đây: 1. Phòng thử nghiệm chuyên ngành đã được công nhận theo tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thử nghiệm Việt Nam (VILAS) hoặc các phòng thử nghiệm đã được công nhận bởi các tổ chức công nhận đã ký kết thỏa ước thừa nhận lẫn nhau là Hiệp hội các phòng thử nghiệm được công nhận quốc tế</p>	<p>Điều 22. Phòng thử nghiệm hiệu suất năng lượng Phòng thử nghiệm phù hợp tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng để dán nhãn năng lượng khi có các điều kiện sau đây: 1. Phòng thử nghiệm chuyên ngành đã được công nhận theo tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thử nghiệm Việt Nam (VILAS) hoặc các phòng thử nghiệm đã được công nhận bởi các tổ chức công nhận đã ký kết thỏa ước thừa nhận lẫn nhau là Hiệp hội các phòng thử nghiệm được công nhận quốc tế</p>	<p>- Bổ sung trách nhiệm của Bộ xây dựng trong việc công bố Danh mục các phòng thử nghiệm đạt chuẩn thực hiện việc thử nghiệm hiệu suất năng lượng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.</p>

<p>(ILAC) và Hiệp hội các phòng thử nghiệm được công nhận Châu Á – Thái Bình Dương (APLAC).</p> <p>2. Phòng thử nghiệm chưa được công nhận theo tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thử nghiệm Việt Nam nhưng có đủ năng lực thử nghiệm về hiệu suất năng lượng được Bộ Công Thương kiểm tra, đánh giá và chỉ định thực hiện việc thử nghiệm phù hợp tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị khi đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Có nhân viên thử nghiệm được đào tạo đúng chuyên ngành kỹ thuật đối với phương tiện, thiết bị thử nghiệm.</p> <p>b) Có thiết bị thử nghiệm, được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định và đủ độ chính xác để thực hiện các chỉ tiêu thử nghiệm.</p> <p>3. Bộ Công Thương công bố Danh mục các phòng thử nghiệm đạt chuẩn thực hiện việc thử nghiệm hiệu suất năng lượng.</p>	<p>(ILAC) và Hiệp hội các phòng thử nghiệm được công nhận Châu Á – Thái Bình Dương (APLAC).</p> <p>2. Phòng thử nghiệm chưa được công nhận theo tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thử nghiệm Việt Nam nhưng có đủ năng lực thử nghiệm về hiệu suất năng lượng được Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận và chỉ định thực hiện việc thử nghiệm phù hợp tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng khi đáp ứng các quy định pháp luật hiện hành hoặc các yêu cầu sau:</p> <p>a) Có nhân viên thử nghiệm được đào tạo đúng chuyên ngành kỹ thuật đối với phương tiện, thiết bị vật liệu thử nghiệm.</p> <p>b) Có thiết bị thử nghiệm, được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định và đủ độ chính xác để thực hiện các chỉ tiêu thử nghiệm.</p> <p>3. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng công bố Danh mục các phòng thử nghiệm đạt chuẩn thực hiện việc thử nghiệm hiệu suất năng lượng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.</p>	
<p>Điều 17. Hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị</p> <p>1. Hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị bao gồm:</p> <p>a) Các thông số kỹ thuật của phương tiện, thiết bị.</p> <p>b) Kết quả thử nghiệm hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị do các phòng thử</p>	<p>Điều 23. Hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng</p> <p>1. Hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng bao gồm:</p> <p>a) Các thông số kỹ thuật của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng.</p> <p>b) Kết quả thử nghiệm hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây</p>	<p>- Bổ sung trách nhiệm của Bộ xây dựng hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tiếp nhận Hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng, đồng thời bỏ quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng để phù hợp với quy định hiện hành (việc dán nhãn năng lượng được hiện theo hình thức tự công bố và tự dán nhãn của doanh nghiệp).</p>

<p>nghiệm quy định tại Điều 16 Nghị định này cấp.</p> <p>c) Giấy đề nghị dán nhãn năng lượng.</p> <p>2. Bộ Công Thương tổ chức thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị.</p> <p>3. Bộ Tài chính quy định đối với lệ phí cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng.</p>	<p>dựng do các phòng thử nghiệm quy định tại Điều 20 Nghị định này cấp.</p> <p>c) Giấy công bố dán nhãn năng lượng.</p> <p>d) Mẫu nhãn năng lượng dự kiến</p> <p>2. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tiếp nhận Hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng.</p>	
<p>Điều 18. Thực hiện dán nhãn năng lượng</p> <p>1. Nhãn năng lượng theo mẫu do Bộ Công Thương quy định và được dán trên phương tiện, thiết bị.</p> <p>2. Cơ sở sản xuất và doanh nghiệp nhập khẩu tự thực hiện việc in, dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị được cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng.</p> <p>3. Trước 60 ngày làm việc, khi hiệu lực của Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng hết hạn, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu đăng ký chứng nhận lại. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu không được dán nhãn năng lượng lên phương tiện, thiết bị mà Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị đó đã hết hiệu lực.</p>		<p>- Bỏ quy định này vì việc dán nhãn năng lượng đã được chuyển sang hình thức tự công bố, tự dán nhãn</p>
<p>Điều 19. Đình chỉ việc dán nhãn năng lượng và thu hồi Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng</p> <p>1. Các trường hợp sau đây bị đình chỉ việc dán nhãn năng lượng:</p> <p>a) Dán nhãn năng lượng giả.</p> <p>b) Dán nhãn năng lượng khi chưa được cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng hoặc</p>	<p>Điều 24. Đình chỉ việc dán nhãn năng lượng</p> <p>1. Các trường hợp sau đây bị đình chỉ việc dán nhãn năng lượng:</p> <p>a) Dán nhãn năng lượng giả.</p> <p>b) Dán nhãn năng lượng khi chưa thực hiện Công bố dán nhãn năng lượng</p> <p>c) Nhãn năng lượng không đúng nội</p>	<p>- Bỏ quy định đối với thu hồi Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng vì doanh nghiệp tự công bố, tự dán nhãn năng lượng, đồng thời bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Xây dựng trong việc thực hiện đình chỉ, thu hồi dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng.</p>

<p>Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng đã hết hạn, Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng bị tẩy xóa.</p> <p>c) Nhãn năng lượng không đúng nội dung, quy cách do Bộ Công Thương ban hành hoặc ghi sai thông số hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị.</p> <p>2. Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có gian dối trong hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng.</p> <p>b) Có kết quả thử nghiệm không đúng với hiệu suất năng lượng thực tế của phương tiện, thiết bị.</p> <p>c) Bị xử phạt 02 lần do vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Bộ Công Thương hướng dẫn việc thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.</p>	<p>dung, quy cách hoặc ghi sai thông số hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng.</p> <p>2. Đình chỉ, thu hồi dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có gian dối trong hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng.</p> <p>b) Có kết quả thử nghiệm không đúng với hiệu suất năng lượng thực tế của phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng.</p> <p>c) Bị xử phạt 02 lần do vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng hướng dẫn việc thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.</p>	
<p>Điều 20. Báo cáo của các cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng</p> <p>1. Cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng có trách nhiệm hàng năm gửi báo cáo Sở Công Thương tại địa phương các nội dung sau:</p> <p>a) Tên cơ sở, địa chỉ.</p> <p>b) Chung loại phương tiện, thiết bị và số lượng từng loại phương tiện, thiết bị đã bán.</p> <p>c) Hiệu suất năng lượng của từng loại phương tiện, thiết bị.</p>	<p>Điều 25. Báo cáo của các cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng</p> <p>1. Cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng có trách nhiệm hàng năm gửi báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại địa phương các nội dung sau:</p> <p>a) Tên cơ sở, địa chỉ.</p> <p>b) Chung loại phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng và số lượng từng loại đã bán.</p> <p>c) Hiệu suất năng lượng của từng loại</p>	<p>- Bổ sung trách nhiệm báo cáo của cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, đồng thời giao UBND cấp tỉnh trong việc quy định Sở chuyên ngành trong việc tiếp nhận, tổng hợp thông tin, báo cáo của các cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng.</p>

<p>2. Sở Công Thương tiếp nhận tổng hợp thông tin báo cáo của các cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng tại địa phương gửi Bộ Công Thương trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo.</p> <p>3. Bộ Công Thương hướng dẫn biểu mẫu báo cáo quy định tại Điều này.</p>	<p>phương tiện, thiết bị, Vật liệu xây dựng.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành phố trực thuộc trung ương tại địa phương giao Sở quản lý chuyên ngành tiếp nhận tổng hợp thông tin báo cáo của các cơ sở sản xuất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng tại địa phương, gửi Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo.</p> <p>3. Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng hướng dẫn biểu mẫu báo cáo quy định tại Điều này.</p>	
<p>Điều 21. Báo cáo của các doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng</p> <p>1. Doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng có trách nhiệm hàng năm gửi báo cáo tới Sở Công Thương tại địa phương các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên cơ sở, địa chỉ. Chủng loại phương tiện, thiết bị; nước sản xuất và số lượng từng loại phương tiện, thiết bị nhập khẩu. Hiệu suất năng lượng của từng loại phương tiện, thiết bị. Loại phương tiện, thiết bị có chứng chỉ về hiệu suất năng lượng đã được cấp tại nước sản xuất. <p>2. Sở Công Thương tiếp nhận và tổng hợp báo cáo của các doanh nghiệp nhập khẩu</p>	<p>Điều 26. Báo cáo của các doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng</p> <p>1. Doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng có trách nhiệm hàng năm gửi báo cáo tới Sở quản lý chuyên ngành tại địa phương các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên cơ sở, địa chỉ. Chủng loại phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng; nước sản xuất và số lượng từng loại phương tiện, thiết bị nhập khẩu. Hiệu suất năng lượng của từng loại phương tiện, thiết bị, thông tin cách nhiệt vật liệu xây dựng. <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở quản lý chuyên ngành tiếp nhận tổng hợp</p>	<p>- Bổ sung trách nhiệm báo cáo của các danh nghiệp nhập khẩu vật liệu xây dựng và trách nhiệm của Bộ Xây dựng trọng việc quy định mẫu báo cáo</p>

<p>phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng tại địa phương gửi Bộ Công Thương trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo.</p> <p>3. Bộ Tài chính có trách nhiệm cung cấp thông tin về chủng loại, số lượng, nguồn gốc phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng nhập khẩu thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng theo đề nghị của Bộ Công Thương.</p> <p>4. Bộ Công Thương hướng dẫn biểu mẫu báo cáo quy định tại Điều này.</p>	<p>tin báo cáo của các cơ sở nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng tại địa phương gửi quản lý là Bộ Công Thương hoặc Bộ Xây dựng trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo.</p> <p>3. Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng hướng dẫn biểu mẫu báo cáo quy định tại Điều này.</p> <p>4. Bộ Tài chính có trách nhiệm cung cấp thông tin về chủng loại, số lượng, nguồn gốc phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, vật liệu xây dựng nhập khẩu thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng theo đề nghị của Bộ chuyên ngành.</p>	
<p>Điều 22. Kiểm tra, báo cáo việc thực hiện dán nhãn năng lượng</p> <p>1. Hàng năm, các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu đã được cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị có trách nhiệm thống kê về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị được dán nhãn năng lượng đã đưa ra thị trường trong năm và gửi về Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 3 năm tiếp theo.</p> <p>2. Các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị vi phạm các quy định về dán nhãn năng lượng bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh,</p>	<p>Điều 27. Kiểm tra, báo cáo việc thực hiện dán nhãn năng lượng</p> <p>1. Hàng năm, các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu đã công bố dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng có trách nhiệm thống kê về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị, vật liệu được dán nhãn năng lượng đã đưa ra thị trường trong năm và gửi về Bộ quản lý chuyên ngành trước ngày 01 tháng 3 năm tiếp theo.</p> <p>2. Các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị và vật liệu vi phạm các quy định về dán nhãn năng lượng bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra</p>	<p>- Bổ sung trách nhiệm của Bộ Xây dựng trong việc kiểm tra, báo cáo việc thực hiện dán nhãn năng lượng.</p>

<p>thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra việc thực hiện thử nghiệm phương tiện, thiết bị để dán nhãn năng lượng tại các phòng thử nghiệm; kiểm tra hoạt động in, dán nhãn năng lượng; kiểm tra định kỳ hoặc bất thường phương tiện, thiết bị đã được dán nhãn năng lượng đang lưu thông trên thị trường.</p>	<p>việc thực hiện thử nghiệm phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng để dán nhãn năng lượng tại các phòng thử nghiệm; kiểm tra hoạt động in, dán nhãn năng lượng; kiểm tra định kỳ hoặc bất thường phương tiện, thiết bị đã được dán nhãn năng lượng đang lưu thông trên thị trường.</p>	
<p>Điều 23. Phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ</p> <p>1. Căn cứ xác định phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải loại bỏ bao gồm:</p> <p>a) Không đạt các quy chuẩn an toàn của phương tiện, thiết bị.</p> <p>b) Hiệu suất sử dụng năng lượng của phương tiện, thiết bị thấp hơn mức hiệu suất năng lượng tối thiểu.</p> <p>c) Phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ.</p> <p>2. Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố trong tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị.</p> <p>3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị phải loại bỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Nghiêm cấm việc nhập khẩu, lưu thông các phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải loại bỏ.</p>	<p>Điều 28. Phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng sử dụng năng lượng phải loại bỏ</p> <p>1. Căn cứ xác định phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu phải loại bỏ bao gồm:</p> <p>a) Không đạt các quy chuẩn an toàn của phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng.</p> <p>b) Hiệu suất sử dụng năng lượng của phương tiện, thiết bị thấp hơn mức hiệu suất năng lượng tối thiểu, vật liệu xây dựng không đáp ứng được tiêu chuẩn cách nhiệt.</p> <p>c) Phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ.</p> <p>2. Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố trong tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị.</p> <p>3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu phải loại bỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Nghiêm cấm việc nhập khẩu, lưu</p>	<p>- Bổ sung vật liệu xây dựng phải loại bỏ vào Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải loại bỏ</p>

	thông các phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng phải loại bỏ.	
<p style="text-align: center;">Chương VI BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ</p> <p>Điều 24. Áp dụng các biện pháp quản lý và công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan ban hành quy định về các biện pháp quản lý và công nghệ khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng trong sản xuất công nghiệp theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>2. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan ban hành quy định về các biện pháp quản lý và công nghệ khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng trong hoạt động xây dựng theo quy định tại Điều 15 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan ban hành quy định về các biện pháp quản lý và công nghệ khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng trong hoạt động giao thông vận tải theo quy định tại Điều 19 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan ban hành quy định về các biện</p>	<p style="text-align: center;">Chương VII BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ</p> <p>Điều 29. Áp dụng các biện pháp quản lý và công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan ban hành quy định về các biện pháp quản lý và công nghệ khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng trong sản xuất công nghiệp theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>2. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan ban hành quy định về các biện pháp quản lý và công nghệ khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng trong hoạt động xây dựng theo quy định tại Điều 15 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hoạt động giao thông vận tải theo quy định tại Điều 19 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan ban hành quy định về các biện pháp quản lý và công nghệ khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng trong sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	<p>- Sửa tên các Bộ để phù hợp với điều kiện thực tế sau khi sát nhập.</p>

<p>pháp quản lý và công nghệ khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng trong sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>		
<p>Điều 25. Kiểm toán năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng tại các cơ sở không thuộc Danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm</p> <p>1. Khuyến khích các cơ sở không thuộc Danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm định kỳ tổ chức kiểm toán năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở thực hiện kiểm toán năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng như đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.</p>	<p>Điều 30. Kiểm toán năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng tại các cơ sở không thuộc Danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm</p> <p>1. Khuyến khích các cơ sở không thuộc Danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm định kỳ tổ chức kiểm toán năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở thực hiện kiểm toán năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng như đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.</p>	<p>- Giữ nguyên</p>
<p>Điều 26. Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gồm các nội dung chính sau:</p> <p>a) Hoàn thiện khung thể chế, cập nhật các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực tiết kiệm năng lượng.</p> <p>b) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>c) Nghiên cứu, phát triển các dự án ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu</p>	<p>Điều 31. Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gồm các nội dung chính sau:</p> <p>a) Hoàn thiện khung thể chế, cập nhật các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>b) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>c) Nghiên cứu, phát triển các dự án ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu</p>	<p>- Đổi tên Chương trình quốc gia thành Chương trình quốc gia để phù hợp với quy định hiện hành.</p>

<p>suất năng lượng trong sản xuất công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải, nông nghiệp, dịch vụ.</p> <p>d) Hỗ trợ dự án thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>2. Nguồn tài chính thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được hình thành từ:</p> <p>a) Ngân sách nhà nước dành cho Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả không thuộc loại chi ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động khoa học, công nghệ.</p> <p>b) Các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước.</p> <p>c) Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài.</p> <p>d) Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được quy định như sau:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>b) Thường trực cơ quan chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đặt tại Bộ Công Thương. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng nội dung, nhiệm vụ, cơ chế quản lý của Chương</p>	<p>suất năng lượng trong sản xuất công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải, nông nghiệp, dịch vụ.</p> <p>d) Hỗ trợ dự án thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>2. Nguồn tài chính thực hiện Chương trình uốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được hình thành từ:</p> <p>a) Ngân sách nhà nước dành cho Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả không thuộc loại chi ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động khoa học, công nghệ.</p> <p>b) Các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước.</p> <p>c) Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài.</p> <p>d) Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được quy định như sau:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>b) Thường trực cơ quan chỉ đạo Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đặt tại Bộ Công Thương. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng nội dung, nhiệm vụ, cơ chế quản lý của Chương trình quốc</p>	
--	---	--

<p>trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>d) Căn cứ vào Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai nhiệm vụ được phân công, phân cấp.</p>	<p>gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>c) Bộ Tài chính chủ trì, với Bộ Công Thương xây dựng cơ chế tài chính của Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>d) Căn cứ vào Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai nhiệm vụ được phân công, phân cấp.</p>	
<p>Điều 27. Ưu đãi đầu tư</p> <p>Các dự án đầu tư sản xuất phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng; đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng được hỗ trợ theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư và ưu đãi đầu tư.</p>		<p>- Bãi bỏ vì không còn phù hợp với các quy định về ưu đãi trong đầu tư sản xuất các thiết bị tiết kiệm năng lượng.</p>
<p>Điều 28. Hỗ trợ đối với hoạt động sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng; phương tiện thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo và kiểm toán năng lượng</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, sản phẩm sử dụng năng lượng tái tạo tại Việt Nam được nhà nước ưu đãi về thuế, hỗ trợ vốn, đất đai để xây dựng cơ sở sản xuất.</p> <p>2. Phương tiện, thiết bị, phụ tùng, linh kiện tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo mà trong nước chưa sản xuất được thì</p>		<p>- Bãi bỏ vì không còn phù hợp với các quy định hiện hành.</p>

được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế gồm:

a) Phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ, đổi mới công nghệ tiết kiệm năng lượng, các chương trình điều tra, nghiên cứu, chế tạo thử, xây dựng các dự án điển hình sử dụng năng lượng tái tạo.

b) Phụ tùng, linh kiện để sản xuất: phương tiện, thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng; phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió.

c) Sản phẩm tiết kiệm năng lượng, các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng khí hóa lỏng, khí thiên nhiên, điện, nhiên liệu hỗn hợp, nhiên liệu sinh học trong nước chưa sản xuất được.

3. Hỗ trợ một phần kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với cơ sở sử dụng năng lượng thực hiện lần đầu việc kiểm toán năng lượng.

4. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xây dựng Danh mục chi tiết phương tiện, thiết bị, phụ tùng, linh kiện nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều này Chính phủ ban hành.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn chi tiết thực hiện việc miễn giảm thuế, hỗ trợ tài chính quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

	<p>Điều 32. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:</p> <p>a) Vốn điều lệ tối thiểu 1.000 tỷ đồng do ngân sách nhà nước cấp. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả do Thủ tướng Chính phủ quyết định phù hợp với từng thời kỳ;</p> <p>b) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện không phải hoàn trả của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;</p> <p>c) Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ theo quy định;</p> <p>d) Các nguồn vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật bảo đảm phù hợp với khả năng hoàn trả của Quỹ.</p> <p>3. Vốn nhận ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>4. Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ chế tài chính đối với Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	<p>- Bổ sung quy định về nguồn vốn của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p>
<p>Điều 29. Nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin</p>	<p>Điều 33. Nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao</p>	<p>- Giữ nguyên</p>

<p>đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng, động viên sự tham gia của nhân dân trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>2. Các biện pháp nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm:</p> <p>a) Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về quản lý năng lượng cho các cơ sở, ngành và địa phương.</p> <p>b) Phổ cập nội dung tiết kiệm năng lượng thông qua hệ thống giáo dục các cấp và các phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>c) Đưa nội dung thúc đẩy các hoạt động tiết kiệm năng lượng vào hoạt động của các hội khoa học kỹ thuật, tổ chức đoàn thể quần chúng.</p> <p>d) Tổ chức các phòng trưng bày sản phẩm tiết kiệm năng lượng, tổ chức các cuộc thi sáng tạo về tiết kiệm năng lượng.</p>	<p>nhận thức của cộng đồng, động viên sự tham gia của nhân dân trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>2. Các biện pháp nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm:</p> <p>a) Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về quản lý năng lượng cho các cơ sở, ngành và địa phương.</p> <p>b) Phổ cập nội dung tiết kiệm năng lượng thông qua hệ thống giáo dục các cấp và các phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>c) Đưa nội dung thúc đẩy các hoạt động tiết kiệm năng lượng vào hoạt động của các hội khoa học kỹ thuật, tổ chức đoàn thể quần chúng.</p> <p>d) Tổ chức các phòng trưng bày sản phẩm tiết kiệm năng lượng, tổ chức các cuộc thi sáng tạo về tiết kiệm năng lượng.</p>	
<p style="text-align: center;">Chương VII</p> <p style="text-align: center;">KIỂM TRA, THANH TRA VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ</p> <p style="text-align: center;">Điều 30. Nội dung kiểm tra, thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Chế độ, nội dung báo cáo, kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, kiểm toán năng lượng tại các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.</p> <p>2. Hoạt động của các tổ chức tư vấn kiểm toán năng lượng.</p> <p>3. Chế độ báo cáo, thống kê sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng.</p>	<p style="text-align: center;">Chương VIII</p> <p style="text-align: center;">KIỂM TRA, THANH TRA VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ</p> <p style="text-align: center;">Điều 34. Nội dung kiểm tra, thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Chế độ, nội dung báo cáo, kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, kiểm toán năng lượng tại các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.</p> <p>2. Hoạt động của các tổ chức tư vấn kiểm toán năng lượng.</p> <p>3. Chế độ báo cáo, thống kê sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng.</p>	<p style="text-align: center;">- Giữ nguyên</p>

<p>4. Việc tuân thủ các quy định về hoạt động dán nhãn năng lượng.</p> <p>5. Việc tuân thủ các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>6. Các nội dung quy định về các hành vi bị cấm tại Điều 8 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	<p>4. Việc tuân thủ các quy định về hoạt động dán nhãn năng lượng.</p> <p>5. Việc tuân thủ các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>6. Các nội dung quy định về các hành vi bị cấm tại Điều 8 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	
<p>Điều 31. Quyền hạn và trách nhiệm về kiểm tra, thanh tra sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý năng lượng có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra việc sử dụng năng lượng của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; kiểm tra hoạt động dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng do Thủ tướng Chính phủ quy định.</p> <p>2. Đoàn thanh tra, thanh tra viên khi tiến hành thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về thanh tra; không được gây phiền hà, sách nhiễu, làm cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của đối tượng thanh tra.</p> <p>b) Áp dụng kịp thời các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận thanh tra và biện pháp xử lý do mình quyết định</p>	<p>Điều 35. Quyền hạn và trách nhiệm về kiểm tra, thanh tra sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý năng lượng có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra việc sử dụng năng lượng của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; kiểm tra hoạt động dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng do Thủ tướng Chính phủ quy định.</p> <p>2. Đoàn thanh tra, thanh tra viên khi tiến hành thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về thanh tra; không được gây phiền hà, sách nhiễu, làm cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của đối tượng thanh tra.</p> <p>b) Áp dụng kịp thời các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận thanh tra và biện pháp xử lý do mình quyết định.</p>	<p>- Giữ nguyên nội dung</p>
<p>Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của đối</p>	<p>Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của đối</p>	<p>- Giữ nguyên nội dung</p>

<p>tượng thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>Đối tượng thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cung cấp cho đoàn thanh tra, thanh tra viên các tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra. 2. Tạo điều kiện để đoàn thanh tra và thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ. 3. Chấp hành các quyết định xử lý của đoàn thanh tra, thanh tra viên. 4. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thanh tra. 	<p>tượng thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>Đối tượng thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cung cấp cho đoàn thanh tra, thanh tra viên các tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra. 2. Tạo điều kiện để đoàn thanh tra và thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ. 3. Chấp hành các quyết định xử lý của đoàn thanh tra, thanh tra viên. 4. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thanh tra. 	
<p style="text-align: center;">Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN</p> <p>Điều 33. Trách nhiệm của các Bộ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ Công Thương: <ol style="list-style-type: none"> a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. b) Phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương giám sát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định này, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ. c) Tổ chức và bố trí nguồn nhân lực phù 	<p style="text-align: center;">Chương IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN</p> <p>Điều 37. Trách nhiệm của các Bộ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ Công Thương: <ol style="list-style-type: none"> a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. b) Phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giám sát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định này, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ. c) Tổ chức và bố trí nguồn nhân lực phù hợp để giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ quản 	<p>- Gộp chức năng, nhiệm vụ về lĩnh vực giao thông vận tải vào trách nhiệm của Bộ Xây dựng</p>

<p>hợp để giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>2. Bộ Khoa học và Công nghệ:</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và công bố tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng và mức hiệu suất năng lượng tối thiểu cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng đang được sử dụng phổ biến theo lộ trình dán nhãn năng lượng; tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng đối với kết cấu kiến trúc, vật liệu xây dựng, chiếu sáng, sưởi ấm, làm mát và mức cung cấp năng lượng cho các khu vực chủ yếu trong các tòa nhà; tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống quản lý năng lượng trong cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, tòa nhà và doanh nghiệp vận tải.</p> <p>b) Phối hợp với các Bộ quản lý ngành liên quan xây dựng chính sách chuyển giao công nghệ, tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiên bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>3. Bộ Xây dựng:</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong thiết kế xây dựng các</p>	<p>lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>2. Bộ Khoa học và Công nghệ:</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và công bố tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng và mức hiệu suất năng lượng tối thiểu cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng đang được sử dụng phổ biến theo lộ trình dán nhãn năng lượng; tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng đối với kết cấu kiến trúc, vật liệu xây dựng, chiếu sáng, sưởi ấm, làm mát và mức cung cấp năng lượng cho các khu vực chủ yếu trong các tòa nhà; tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống quản lý năng lượng trong cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, tòa nhà và doanh nghiệp vận tải.</p> <p>b) Phối hợp với các Bộ quản lý ngành liên quan xây dựng chính sách chuyển giao công nghệ, tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiên bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>3. Bộ Xây dựng:</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong thiết kế xây dựng các công trình xây dựng, vật liệu xây dựng, ban</p>	
---	---	--

<p>công trình xây dựng, vật liệu xây dựng.</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc quản lý sử dụng năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong hoạt động xây dựng; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với hoạt động xây dựng.</p> <p>c) Tổ chức đào tạo, tập huấn các kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động xây dựng.</p> <p>4. Bộ Giao thông vận tải:</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng đối với một số loại phương tiện giao thông vận tải phù hợp với từng thời kỳ và tổ chức kiểm tra việc tuân thủ.</p> <p>b) Ban hành quy định về quản lý kỹ thuật, hướng dẫn doanh nghiệp kinh doanh vận tải xây dựng định ngạch và thực hiện công tác bảo dưỡng kỹ thuật định kỳ trong quá trình khai thác, sử dụng phương tiện giao thông vận tải nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc quản lý sử dụng năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong hoạt động giao thông, vận tải; chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong</p>	<p>hành định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc quản lý sử dụng năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong hoạt động xây dựng; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với hoạt động xây dựng.</p> <p>c) Tổ chức đào tạo, tập huấn các kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động xây dựng.</p> <p>d) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng đối với một số loại phương tiện giao thông vận tải phù hợp với từng thời kỳ và tổ chức kiểm tra việc tuân thủ.</p> <p>đ) Ban hành quy định về quản lý kỹ thuật, hướng dẫn doanh nghiệp kinh doanh vận tải xây dựng định ngạch và thực hiện công tác bảo dưỡng kỹ thuật định kỳ trong quá trình khai thác, sử dụng phương tiện giao thông vận tải nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc quản lý sử dụng năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong hoạt động giao thông, vận tải; chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong công tác tổ chức, điều hành hệ thống giao thông vận tải.</p>	
--	--	--

<p>công tác tổ chức, điều hành hệ thống giao thông vận tải.</p> <p>d) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng; nghiên cứu phát triển các dạng nhiên liệu, năng lượng tái tạo thay thế nhiên liệu truyền thống sử dụng trong giao thông vận tải.</p> <p>5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, thủy lợi.</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc quản lý sử dụng năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất nông nghiệp; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với sản xuất nông nghiệp, thủy lợi.</p> <p>c) Tổ chức đào tạo, tập huấn các kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, nông thôn và thủy lợi.</p> <p>6. Bộ Tài chính:</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên</p>	<p>g) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng; nghiên cứu phát triển các dạng nhiên liệu, năng lượng tái tạo thay thế nhiên liệu truyền thống sử dụng trong giao thông vận tải.</p> <p>h) Bộ Xây dựng xây dựng chỉ tiêu đánh giá hiệu suất sử dụng năng lượng trong vận chuyển hàng hóa, hành khách.</p> <p>4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường:</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, thủy lợi.</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc quản lý sử dụng năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất nông nghiệp; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với sản xuất nông nghiệp, thủy lợi.</p> <p>c) Tổ chức đào tạo, tập huấn các kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, nông thôn và thủy lợi.</p> <p>5. Bộ Tài chính:</p> <p>Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hướng dẫn chi tiết về chính sách ưu đãi tài chính đối với hoạt động sử</p>	
--	--	--

<p>quan xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hướng dẫn chi tiết về chính sách ưu đãi tài chính đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sản phẩm tiết kiệm năng lượng.</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thủ tục nhập khẩu phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng; quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng.</p> <p>7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Bộ Công Thương quy định các chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia về sử dụng năng lượng; tổ chức và chỉ đạo, định kỳ thực hiện công bố xã hội các thông tin thống kê về sử dụng năng lượng.</p> <p>8. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tổ chức đưa nội dung về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào hoạt động giáo dục, đào tạo phù hợp với từng cấp học.</p> <p>9. Bộ Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức và chỉ đạo các phương tiện truyền thông thực hiện các chương trình quảng bá, nâng cao nhận thức của xã hội về thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	<p>dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sản phẩm tiết kiệm năng lượng.</p> <p>6. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tổ chức đưa nội dung về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào hoạt động giáo dục, đào tạo phù hợp với từng cấp học.</p> <p>7. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức và chỉ đạo các phương tiện truyền thông thực hiện các chương trình quảng bá, nâng cao nhận thức của xã hội về thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	
<p>Điều 34. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:</p>	<p>Điều 38. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các nhiệm vụ sau đây:</p>	<p>- Giữ nguyên nội dung</p>

<p>1. Xây dựng chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.</p> <p>2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tại địa phương kiểm tra, rà soát, lập danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.</p> <p>3. Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp thông tin của các báo cáo và kế hoạch sử dụng năng lượng của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm tại địa phương.</p>	<p>1. Xây dựng chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.</p> <p>2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tại địa phương kiểm tra, rà soát, lập danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm một (01) năm một lần.</p> <p>3. Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp thông tin của các báo cáo và kế hoạch sử dụng năng lượng của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm tại địa phương.</p> <p>Điều xx. Điều khoản chuyển tiếp</p>	
<p>Điều 35. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.</p> <p>2. Nghị định này thay thế Nghị định số 102/2003/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	<p>Điều 39. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .</p> <p>2. Nghị định này thay thế Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>	<p>- Nghị định này thay thế Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p>
<p>Điều 36. Trách nhiệm thi hành</p> <p>Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm thi hành</p> <p>Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	<p>- - Giữ nguyên nội dung</p>

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

BẢN ĐÁNH GIÁ

Thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương thực hiện đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ**1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Nghị định**

Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15 được Quốc hội khoá XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2025 (Luật SDBDMSD Luật SDNLTK&HQ) trong đó bổ sung một số nội dung liên quan tới Thủ tục hành chính mới phát sinh so với quy định cũ.

Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sẽ hướng dẫn chi tiết 02 thủ tục hành chính (TTHC) mới là:

(1) Thủ tục gia hạn chứng chỉ người quản lý năng lượng trong đó bổ sung thêm nội dung quy định cụ thể về thời hạn của chứng chỉ người quản lý năng lượng, quy trình thủ tục đánh giá lại để cấp chứng chỉ mới bổ sung.

(2) Thủ tục đăng ký Tổ chức kiểm toán năng lượng nhằm cụ thể hóa các điều kiện yêu cầu về năng lực, trình tự thủ tục đăng ký Tổ chức kiểm toán năng lượng

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

Mục đích thủ tục hành chính trên cụ thể hóa các yêu cầu của Luật cụ thể như sau:

- Tại Khoản 14 Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 35 như sau: b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: "3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung; chương trình đào tạo; kiểm tra, giám sát; thẩm quyền, ủy quyền cấp, công nhận,

cấp lại, thu hồi chứng chỉ quản lý năng lượng; **thời hạn chứng chỉ quản lý năng lượng**. Bộ Công Thương công khai kế hoạch, danh sách tổ chức đào tạo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.” Thủ tục mới sẽ quy định việc đăng ký gia hạn và đánh giá năng lực chuyên môn của quản lý viên năng lượng, thực hiện quy trình thủ tục để cấp lại Chứng chỉ quản lý năng lượng.

- Tại Khoản 20 Điều 1. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả quy định “Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số khoản của Điều 43 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau: “4. Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh kiểm toán năng lượng; xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích để hình thành hệ thống tổ chức dịch vụ năng lượng.” Đồng thời Kiểm toán năng lượng là ngành nghề kinh doanh có điều kiện đã được quy định trong Luật Đầu tư (Điều 7, Phụ lục IV - số thứ tự 61)

Việc quy định cụ thể chi tiết Thủ tục đăng ký tổ chức kiểm toán năng lượng nhằm cụ thể hóa các điều kiện yêu cầu về năng lực bao gồm con người, cơ sở vật chất, kinh nghiệm thực hiện kiểm toán năng lượng, trình tự thủ tục đăng ký Tổ chức kiểm toán năng lượng tới Cơ quan quản lý

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính

- Thủ tục hành chính được quy định bổ sung:

+ Thủ tục 1: Thủ tục gia hạn chứng chỉ người quản lý năng lượng

Thủ tục gia hạn chứng chỉ người quản lý năng lượng thuộc nhóm chính sách phát triển nguồn nhân lực, tư vấn dịch vụ năng lượng và mạng lưới đơn vị tư vấn dịch vụ năng lượng, có phát sinh TTHC liên quan đến thời hạn của chứng chỉ người quản lý năng lượng đã được tiến hành đánh giá tác động TTHC theo quy định của pháp luật tại Nghị định số 59/2024/NĐ-CP và Thông tư 03/2022/TT-BTP, cụ thể như sau:

TTHC phương án phát sinh thủ tục đăng ký gia hạn chứng chỉ người quản lý năng lượng. Theo Luật hiện hành, Bộ Công Thương quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ người quản lý năng lượng. Trong đó, quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ quản lý năng lượng và người quản lý năng lượng đã được đề cập tại Thông tư 39/2011/TT-BCT, không bao gồm thời hạn của chứng chỉ người quản lý năng lượng.

+ Sự cần thiết: Theo quy định, người quản lý năng lượng sau khi được đào tạo và cấp chứng chỉ có thể hành nghề quản lý năng lượng tại các Doanh nghiệp công ty. Người quản lý năng lượng chỉ được đào tạo một lần và không quy định thời hạn sát hạch lại hoặc bổ sung kiến thức, điều này tạo ra rào cản trong việc thúc đẩy các người quản lý năng lượng tìm hiểu, nắm bắt các công nghệ mới, tìm tòi các giải pháp tiên tiến trên thế giới cũng như những thay đổi về công nghệ tại doanh nghiệp. Do vậy, cần có khung thời gian sát hạch lại đối với quản lý năng lượng nhằm đánh giá và trang bị những giải pháp mới, công nghệ mới trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Như vậy, những tồn tại, hạn chế về nguồn nhân lực khi triển khai hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các địa phương như: thiếu chuyên gia có kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn, biên chế nhân lực làm việc trong lĩnh vực TKNL luôn biến động, không ổn định, công tác đào tạo chuyên môn chưa được thường xuyên, thông tin về công nghệ, thiết bị chưa được cập nhật cho các đối tượng liên quan, v.v....dẫn đến khó khăn trong việc theo dõi, đánh giá, quản lý năng lượng tại cơ sở cũng như cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan quản lý.

Bên cạnh đó, người quản lý năng lượng được đào tạo và cấp chứng chỉ theo quy định không phải sát hạch hay đánh giá lại theo định kỳ, tạo ra rào cản trong việc thúc đẩy các KTVNL tìm hiểu, nắm bắt các công nghệ mới, tìm tòi các giải pháp tiên tiến trên thế giới cũng như những thay đổi về công nghệ tại doanh nghiệp. Do vậy, cần có khung thời gian sát hạch lại đối với người quản lý năng lượng.

Như vậy, việc bổ sung thủ tục đăng ký gia hạn chứng chỉ người quản lý năng lượng là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với lĩnh vực SDNL TK&HQ, bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng năng lượng tại Việt Nam, đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội và doanh nghiệp.

+Tính hợp pháp: TTHC này đã được cụ thể hóa tại Khoản 14 Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 35 như sau:

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung; chương trình đào tạo; kiểm tra, giám sát; thẩm quyền, ủy quyền cấp, công nhận, cấp lại, thu hồi chứng chỉ quản lý năng lượng; **thời hạn chứng chỉ quản lý năng lượng**. Bộ Công Thương công khai kế hoạch, danh sách tổ chức đào tạo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.”.

Thủ tục hành chính:**gia hạn chứng chỉ người quản lý năng lượng đã được** đề xuất trong giai đoạn đề nghị xây dựng Luật, theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC, đảm bảo tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, bổ sung kiện toàn cho Thông tư 39/2011/TT-BCT. Theo Thông tư 03/2022/TT-BTP, đối với TTHC đã được đánh giá trong lập đề nghị xây dựng Luật thì trong soạn thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tiếp tục sử dụng kết quả đánh giá đã thực hiện.

+Tính hợp lý: TTHC sẽ được xây dựng trên Luật hiện hành và các văn bản có liên quan đến lĩnh vực SDNL TK&HQ, đặc biệt là các văn bản có liên quan đến các hoạt động quản lý năng lượng.

Nhìn chung, phương thức quản lý, quy trình thủ tục cơ bản đã được quy định tại Nghị định 21/2011/NĐ-CP, Thông tư 39/2011/TT-BCT nên TTHC phát sinh sẽ giúp đảm bảo minh bạch hơn trong hoạt động đào tạo của cơ quan quản

lý nhà nước, nâng cao chất lượng trong lĩnh vực tư vấn và quản lý năng lượng. Theo đó, việc ảnh hưởng của TTHC, các chi phí tuân thủ TTHC phát sinh liên quan đến việc gia hạn là không lớn, không gây thêm khó khăn cho việc quản lý và thực thi.

(Chi tiết biểu mẫu đánh giá tác động TTHC tại Phụ lục 1 kèm theo của bản đánh giá này.)

+ Thủ tục 2: Đăng ký Tổ chức kiểm toán năng lượng

Thủ tục Đăng ký tổ chức kiểm toán năng lượng thuộc nhóm chính sách: Về quản lý, phát triển đối với dịch vụ tư vấn năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sẽ phát sinh TTHC liên quan tới đăng ký Tổ chức kiểm toán năng lượng.

+ *Sự cần thiết:*

Tổ chức kiểm toán năng lượng đã được quy định tại Điều 43 Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bao gồm các điều kiện: a) Là pháp nhân thành lập theo quy định của pháp luật; b) Có đội ngũ kiểm toán viên năng lượng được cấp chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng; c) Có phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc kiểm toán năng lượng. Tại Luật Đầu tư 61/2020/QH14 đã có ngành nghề Kiểm toán năng lượng tại (Phụ lục 4) số thứ tự 61

Đây là các tổ chức sẽ thực hiện dịch vụ kiểm toán năng lượng bắt buộc cho các Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên toàn quốc, Theo yêu cầu của Luật 03 năm các cơ sở sẽ phải thực hiện kiểm toán năng lượng 01 lần. Tới năm 2024 trên toàn quốc có 3491 cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm sẽ phải thực hiện kiểm toán năng lượng bắt buộc. Sau hơn 15 năm thi hành Luật, qua làm việc, kiểm tra với các Sở Công Thương tại địa phương, các doanh nghiệp là cơ sở trọng điểm thực hiện báo cáo kiểm toán năng lượng, Bộ Công Thương nhận thấy hoạt động kiểm toán năng lượng có hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, các kiểm toán viên của Tổ chức kiểm toán năng lượng chỉ ký tên trên các báo cáo kiểm toán, nhưng không thực hiện việc đánh giá tại hiện trường nhà máy xí nghiệp, chất lượng kiểm toán năng lượng còn thấp, các doanh nghiệp thực hiện đối phó việc kiểm toán năng lượng để báo cáo cơ quan chức năng, không có cơ quan độc lập để kiểm định chất lượng dịch vụ kiểm toán năng lượng. Việc thực hiện kiểm toán năng lượng không nghiêm túc, mang tính hình thức dẫn đến việc thực hiện các giải pháp về tiết kiệm năng lượng không có hiệu quả.

+ *Tính hợp pháp:*

Điều 20. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả quy định

“Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số khoản của Điều 43 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:

“4. Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh kiểm toán năng lượng; xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích để hình thành hệ thống tổ chức dịch vụ năng lượng.”

Do đó, cần quy định chi tiết thủ tục hành chính đăng ký là Tổ chức kiểm toán năng lượng nhằm quản lý chặt chẽ việc thực hiện kiểm toán năng lượng chất lượng báo cáo kiểm toán cho các doanh nghiệp. Đây cũng là yêu cầu tại Nghị quyết 55-NQ/TW: “Tăng cường kiểm toán năng lượng; Xây dựng, kiện toàn mạng lưới công ty tư vấn dịch vụ năng lượng như kiểm toán năng lượng, quản lý năng lượng.”

Việc bổ sung thủ tục mới này là cần thiết nhằm kiểm soát, quản lý các tổ chức kiểm toán năng lượng, nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán năng lượng, tránh cho việc doanh nghiệp thực hiện đối phó, mang tính hình thức đối với việc kiểm toán năng lượng theo quy định của Luật.

+ *Tính hợp lý*: TTHC sẽ được xây dựng trên Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025 và các văn bản có liên quan đến lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đặc biệt là các văn bản có liên quan đến các hoạt động quản lý năng lượng.

Nhìn chung, phương thức quản lý, quy trình thủ tục cơ bản sẽ được quy định tại Nghị định sửa đổi Nghị định 21/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật, nên TTHC phát sinh sẽ giúp đảm bảo minh bạch hơn trong hoạt động kiểm toán năng lượng của Tổ chức kiểm toán năng lượng nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán năng lượng. Thủ tục mới sẽ được xây dựng theo hướng đánh giá sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp tương tự Nghị định 107/2015/NĐ-CP Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp. Cơ quan quản lý sẽ kiểm tra đánh giá hậu kiểm cho Tổ chức kiểm toán năng lượng.

Theo đó, việc ảnh hưởng của TTHC, các chi phí tuân thủ TTHC phát sinh liên quan đến việc gia hạn là không lớn, không gây thêm khó khăn cho việc quản lý và thực thi.

(Chi tiết biểu mẫu đánh giá tác động TTHC tại Phụ lục 2 kèm theo của bản đánh giá này.)

- Thủ tục hành chính được bãi bỏ, cắt giảm TTHC, đơn giản hóa cụ thể:

Qua rà soát, Nghị định 21/2011 hiện hành bao gồm 03 TTHC. Luật sửa đổi, bổ sung sẽ thực hiện cắt giảm 01 TTHC về đăng ký cơ sở đào tạo quản lý năng lượng, kiểm toán năng lượng, đơn giản hóa 01 TTHC, trong đó giảm 100% thời gian thực hiện đăng ký công bố dán nhãn năng lượng, phân cấp 01 thủ tục chứng nhận phòng thử nghiệm hiệu suất năng lượng. Việc cải cách TTHC đã đáp ứng yêu cầu tại Công điện số 22/CĐ-TTg năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó chỉ đạo giảm ít nhất 30% thời gian xử lý TTHC, cụ thể như sau:

+ **Thủ tục 1**: cắt bỏ thủ tục đăng ký Cơ sở đào tạo quản lý năng lượng, kiểm toán viên năng lượng

Khoản 4 điều 34 Luật hiện hành: “4. Bộ Công Thương quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng.”

Giải trình: Cắt giảm TTHC đăng ký Cơ sở sở đào tạo quản lý năng lượng, kiểm toán viên năng lượng. Xã hội hóa các việc đào tạo cấp chứng chỉ quản lý năng lượng, kiểm toán năng lượng, cơ quan quản lý chỉ quản lý đầu ra thông qua việc chấm thi và cấp chứng chỉ.

+ **Thủ tục 2:** đơn giản hóa thủ tục cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng, đã thực hiện đơn giản hóa 100% thời gian thực hiện

Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả quy định:

“17. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau: “d) Hướng dẫn, công bố việc dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ;”

Giải trình: Chương trình dán nhãn năng lượng đã được Bộ Công Thương triển khai hiệu quả theo hình thức doanh nghiệp tự công bố thông tin từ năm 2017. Theo đó thủ tục hành chính quy định tại Thông tư 36/2016/TT-BCT đối với thủ tục đăng ký công bố dán nhãn năng lượng, Doanh nghiệp tự nộp hồ sơ công bố tới Bộ Công Thương, và tự dán nhãn năng lượng lên thiết bị đưa ra thị trường. Thủ tục giảm tối đa 100% thời gian thực hiện.

2. Việc phân quyền, phân cấp

+ **Thủ tục ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hàng năm**

Tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trách nhiệm ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hàng năm do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Tại Khoản 11 Điều 1 Luật SDBDMSD Luật SDNLTK&HQ: *”Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:*

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn một năm một lần và gửi Bộ Công Thương tổng hợp.”.

Như vậy Thủ tục ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hàng năm được Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Cụ thể tại khoản 2 Điều 7 Dự thảo Nghị định: *“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt, ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn một năm một lần trước ngày 31 tháng 3 hàng năm; tổng hợp gửi Bộ Công Thương hàng năm.”*

+ **Thủ tục 3:** phân cấp thủ tục Cấp giấy chứng nhận cho Phòng thử nghiệm hiệu suất năng lượng

Điều c, khoản 4, điều 39 Luật SDNLTK&HQ “c) Quy định phòng thử nghiệm có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng;”

Giải trình: Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cho Phòng thử nghiệm hiệu suất năng lượng căn cứ thực hiện Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

Hiện tại, Thủ tục này đã được phân cấp thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP cụ thể: “Điều 39. Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Nghị định số 107/2016/NĐ-CP) “1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc trách nhiệm, quản lý nhà nước của Bộ Công Thương tại Điều 4 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.”

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Các chính sách đề các doanh nghiệp, các cơ quan tổ chức đầu tư, cải tạo, nâng cấp để sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả nằm chung trong chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật SDNL TKHQ: “*Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm, vật liệu tiết kiệm năng lượng; đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, dự án đầu tư vào cơ sở tiết kiệm năng lượng, sản xuất, lắp đặt máy móc, thiết bị hoặc vật liệu tiết kiệm năng lượng, dự án nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng hoặc giảm phát thải khí nhà kính được ưu đãi, hỗ trợ*”

Tiếp tục được cụ thể hóa tại Dự thảo Nghị định: “**Điều 31. Các chính sách ưu đãi đối với hoạt động thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh bao gồm các dự án đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; các dự án đầu tư và chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; các dự án chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến công nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu

quả; các dự án đầu tư về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả do tổ chức dịch vụ năng lượng thực hiện.”.

4. Việc đảm bảo bình đẳng giới

Nội dung Nghị định hướng dẫn Luật chuyên ngành về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả không có nội dung về bình đẳng giới

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Nội dung Nghị định hướng dẫn Luật chuyên ngành về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, không có các Nội dung liên quan tới chính sách dân tộc học như phát triển kinh tế-xã hội, văn hóa, bảo vệ an ninh quốc phòng, xóa đói giảm nghèo cho các dân tộc thiểu số, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, tôn trọng giá trị văn hóa của mỗi dân tộc để hướng tới mục tiêu chung là xây dựng đất nước giàu mạnh, công bằng, văn minh

Hiện tại Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trong quá trình xây dựng Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm TTHC được gửi lấy ý kiến theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thông qua các hình thức sau:

- Đã lấy kiến đôi với báo cáo đánh giá tác động chính sách, trong đó có các thủ tục hành chính từ giai đoạn đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gửi Bộ Tư pháp thẩm định và đã được Chính phủ thông qua đề nghị Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Trong giai đoạn soạn thảo, Bộ Công Thương tiến hành lấy ý kiến đối với dự thảo Bản đánh giá TTHC dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ quan, đơn vị liên quan và đăng tải nội dung lên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương để tiếp nhận ý kiến góp ý của nhân dân. Đơn vị soạn thảo đã tổ chức các cuộc họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập và ba Hội thảo lấy ý kiến đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu tại ba miền Bắc, miền Trung và miền Nam để tham vấn các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý ở trung ương và địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng chịu sự tác động của thủ tục hành chính và các nội dung chuyên môn.

Trên đây là bản đánh giá TTHC trong Dự án Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của Bộ Công Thương./.

PHỤ LỤC 1

Đánh giá tác động của TTHC Dự án Nghị định Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

CHÍNH PHỦ**Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS**

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT HOẶC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

- **Tên dự án, dự thảo văn bản:** Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
- **TTHC:** GIA HẠN CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO NGƯỜI QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	Khoản 14 Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 35
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính:	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Khoản 14 Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 35 như sau: b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: “3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung; chương trình đào tạo; kiểm tra, giám sát; thẩm quyền, ủy quyền cấp, công nhận, cấp lại, thu hồi chứng chỉ quản lý năng lượng; thời hạn chứng chỉ quản lý năng lượng . Bộ Công Thương công khai kế hoạch, danh sách tổ chức đào tạo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.”.
2. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/>

	<p>Mô tả rõ:</p> <p>Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung; chương trình đào tạo; kiểm tra, giám sát; thẩm quyền, ủy quyền cấp, công nhận, cấp lại, thu hồi chứng chỉ quản lý năng lượng; thời hạn chứng chỉ quản lý năng lượng. Bộ Công Thương công khai kế hoạch, danh sách tổ chức đào tạo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ</p> <p>Lý do quy định: Xác định đúng đối tượng thực hiện.</p> <p>- Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Đảm bảo đúng đối tượng thực hiện là các kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng.</p>
<p>b) Phạm vi áp dụng:</p>	<p>Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định:việc đào tạo, cấp chứng chỉ cho người quản lý năng lượng được tiến hành trên phạm vi toàn quốc để đảm bảo mọi đối tượng có năng lực, nhu cầu đều có thể tham gia thực hiện.</p> <p>- Có thể mở rộng/thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Đảm bảo đúng phạm vi quản lý, vận hành.</p>
<p>3. Cơ quan giải quyết</p>	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định: 1. Chứng chỉ quản lý năng lượng do Bộ Công Thương cấp hoặc tổ chức được ủy quyền cấp, có thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp và được cấp lại khi cá nhân tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và đạt yêu cầu đánh giá.</p> <p>2. Trường hợp phát hiện vi phạm, gian lận hoặc không đáp ứng yêu cầu công việc, Bộ Công Thương sẽ thu hồi chứng chỉ.</p>
<p>b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Việc đào tạo, cấp chứng chỉ cho kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng đang được Bộ Công Thương triển khai thực hiện theo quy định tại Luật hiện hành, do đó Chính phủ có thể tiếp tục giao Bộ Công Thương triển khai thực hiện để đảm bảo tính thống nhất, liên tục của công việc và theo đúng chức năng, nhiệm vụ.</p>
<p>4. Trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng</p>	<p>Dự thảo Luật không quy định cụ thể TTHC mà giao Chính phủ quy định chi tiết tại Khoản 9, 10 Điều 1 dự</p>

hồ sơ; thời hạn giải quyết; Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có); mẫu đơn, tờ khai; yêu cầu, điều kiện; kết quả thực hiện	thảo Luật. Do đó, việc đánh giá tính hợp lý của từng bộ phận TTHC sẽ được thực hiện trong quá trình soạn thảo các văn bản quy định chi tiết Luật.
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Lại Đức Tuấn Điện thoại: 024.22202358; E-mail: TuanLD@moit.gov.vn	

PHỤ LỤC 2

Đánh giá tác động của TTHC Dự án Nghị định Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

CHÍNH PHỦ**Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS**

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT HOẶC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

- **Tên dự án, dự thảo văn bản:** Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
- **TTHC:** Đăng ký Tổ chức Kiểm toán năng lượng

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p><i>Khoản 20 Điều 1. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả quy định “Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số khoản của Điều 43 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:</i></p> <p><i>“4. Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh kiểm toán năng lượng; xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích để hình thành hệ thống tổ chức dịch vụ năng lượng.”</i></p> <p>- Kiểm toán năng lượng là ngành nghề kinh doanh có điều kiện đã được quy định trong Luật Đầu tư (Điều 7, Phụ lục IV - số thứ tự 61)</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Tên thủ tục hành chính:</p>	
<p>Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- <i>Khoản 20 Điều 1. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả quy định</i></p> <p><i>“4. Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh ngành nghề kiểm toán năng lượng để đảm bảo chất lượng dịch vụ.”</i></p> <p>- Kiểm toán năng lượng là ngành nghề kinh doanh có điều kiện đã được quy định trong Luật Đầu tư (Điều 7,</p>

	Phụ lục IV - số thứ tự 61)
2. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	<p>- Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: tại khoản 2, điều 34 Luật hiện hành</p> <p>Tổ chức kiểm toán năng lượng phải có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Có năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu kiểm toán năng lượng phù hợp với đối tượng được kiểm toán năng lượng. 3. Yêu cầu về nhân lực: <ol style="list-style-type: none"> a) Người quản lý kỹ thuật của Tổ chức kiểm toán năng lượng có bằng Đại học chuyên ngành Năng lượng hoặc các ngành kỹ thuật có liên quan có 05 năm kinh nghiệm; b) Người phụ trách bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng của Tổ chức kiểm toán năng lượng phải có trình độ đại học trở lên và phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán năng lượng; c) Tổ chức có ít nhất 03 Kiểm toán viên năng lượng (có Hợp đồng lao động thời hạn từ 12 tháng trở lên). 4. Có phương tiện, thiết bị, dụng cụ, quy trình đo đạc, phù hợp với lĩnh vực được kiểm toán năng lượng (điện, nhiệt, hơi, khí nén, chiếu sáng) và quy định của pháp luật hiện hành. Có quy trình quản lý, vận hành, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị đo, đảm bảo tính chính xác của phương tiện, thiết bị đo. 5. Hàng năm phải đào tạo, đánh giá tay nghề của Kiểm toán viên năng lượng. <p>Lý do quy định: Xác định đúng đối tượng thực hiện.</p> <p>- Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Đảm bảo đúng đối tượng thực hiện là các tổ chức tại Việt nam có đủ điều kiện về pháp nhân, có hệ thống quản lý, năng lực hoạt động, con người, phương tiện thiết bị kiểm toán năng lượng.</p>
b) Phạm vi áp dụng:	<p>Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></p> <p>Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: Cấp đăng ký cho tổ chức trên toàn quốc có năng lực thực hiện kiểm toán trên toàn quốc, thực hiện</p>

	<p>việc kiểm toán năng lượng cho các đối tượng là khoảng 3500 cơ sở là Cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm (03 năm phải thực hiện kiểm toán 1 lần), khuyến khích thực hiện với các cơ sở tiêu thụ năng lượng chưa phải là cơ sở trọng điểm.</p> <p>- Có thể mở rộng/thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Đảm bảo đúng phạm vi quản lý, vận hành.</p>
3. Cơ quan giải quyết	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định: Bộ Công Thương nhận hồ sơ đối với tổ chức đăng ký kiểm toán năng lượng, do Bộ Công Thương quản lý danh sách kiểm toán viên năng lượng được cấp chứng chỉ trên toàn quốc, có thể rà soát đối chiếu để kiểm tra hồ sơ của kiểm toán viên, kiểm soát được sự phù hợp trang thiết bị kiểm toán năng lượng trong các lĩnh vực điện nhiệt, lò hơi, các thiết bị phù hợp.</p>
<p>b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Chính phủ giao Bộ Công Thương triển khai thực hiện để đảm bảo tính thống nhất, liên tục của công việc và theo đúng chức năng, nhiệm vụ.</p>
<p>4. Trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có); mẫu đơn, tờ khai; yêu cầu, điều kiện; kết quả thực hiện</p>	<p>1. Trường hợp cấp mới:</p> <p>a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu Tổ chức kiểm toán năng lượng sửa đổi, bổ sung;</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức Hội đồng đánh giá năng lực của Tổ chức Kiểm toán năng lượng.</p> <p>Hội đồng đánh giá điều kiện hoạt động kiểm toán năng lượng gồm tối thiểu 05 thành viên, với cơ cấu thành phần bao gồm: 01 Chủ tịch hội đồng; 01 Phó Chủ tịch hội đồng khi cần thiết; 01 ủy viên thư ký và các ủy viên khác là chuyên gia có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán năng lượng. Thành viên hội đồng đánh giá có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, kiểm tra thực tế tại tổ chức; viết bản nhận xét, phiếu đánh giá về các nội dung chứng nhận và</p>

	<p>chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình.</p> <p>Kinh phí thuê chuyên gia cho Hội đồng đánh giá căn cứ Nghị định 173/2025/NĐ-CP....</p> <p>Biên bản đánh giá của Hội đồng tại Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;</p> <p>Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy đăng ký cho Tổ chức kiểm toán năng lượng theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>c) Thời hạn hiệu lực của Giấy đăng ký không quá 03 năm kể từ ngày cấp.</p>
III. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Lại Đức Tuấn Điện thoại: 024.22202356; E-mail: TuanLD@moit.gov.vn	